



NGUYỄN THỊ HỒNG NAM (Chủ biên)
TRẦN LÊ DUY – DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU
PHAN MẠNH HÙNG – NGUYỄN THỊ MINH NGỌC – TRẦN TIẾN THÀNH
NGUYỄN THÀNH THI – NGUYỄN THỊ NGỌC THUY

NGŨ' VẢN

Sách giáo viên

6

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

timdapan.com

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM (Chủ biên)
TRẦN LÊ DUY – DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU
PHAN MẠNH HÙNG – NGUYỄN THỊ MINH NGỌC – TRẦN TIẾN THÀNH
NGUYỄN THÀNH THI – NGUYỄN THỊ NGỌC THUY

NGŨ VĂN

Sách giáo viên

6

TẬP HAI

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên *Ngữ văn 6*, bộ Chân trời sáng tạo là tài liệu hướng dẫn tổ chức dạy học cho giáo viên theo sách giáo khoa *Ngữ văn 6*.

Trong tập hai, sách trình bày Hướng dẫn tổ chức dạy học các bài, từ bài 6 đến bài 11.

Những hướng dẫn này thể hiện các quan điểm giáo dục hiện đại nói chung, quan điểm về dạy đọc, viết, nói và nghe nói riêng và triển khai cụ thể của các phương pháp, biện pháp và phương tiện dạy học đã trình bày trong phần một, tập một.

Trong mỗi bài học, từ bài 6 đến bài 10, chúng tôi trình bày một số gợi ý về cách tổ chức dạy học, từ cách giới thiệu bài mới đến cách hướng dẫn học sinh đọc, viết, nói và nghe. Mỗi hoạt động dạy học được tổ chức nhằm giúp học sinh đạt được các yêu cầu cần đạt về năng lực chung cũng như năng lực chuyên biệt mà chương trình đã đặt ra.

Trên nguyên tắc chia sẻ, mang tính hướng dẫn, gợi ý, chúng tôi mong rằng sách giáo viên *Ngữ văn 6*, bộ Chân trời sáng tạo sẽ hỗ trợ, giúp quý thầy cô thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới hiệu quả.

Nhóm tác giả

MỤC LỤC

Bài 6: Điểm tựa tinh thần	5
Bài 7: Gia đình thương yêu.....	21
Bài 8: Những góc nhìn cuộc sống	32
Bài 9: Nuôi dưỡng tâm hồn	44
Bài 10: Mẹ Thiên Nhiên.....	61
Bài 11: Bạn sẽ giải quyết việc này như thế nào?.....	73
Gợi ý trả lời các câu hỏi ôn tập cuối học kì II.....	78

Chân trời sáng tạo

Bài 6: ĐIỂM TỰA TINH THẦN (12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết;
Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật trong truyện; nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được đề tài, chủ đề, câu chuyện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử gợi ra từ văn bản.
- Nhận biết được nghĩa văn cảnh của một từ ngữ khi được đặt trong ngoặc kép; chỉ ra được những đặc điểm, chức năng cơ bản của đoạn văn và văn bản.
- Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách.
- Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác (dưới hình thức nói và nghe).
- Biết yêu thương và sống có trách nhiệm.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về thể loại truyện, kiểu bài viết biên bản về một cuộc họp, cuộc thảo luận hay một vụ việc; chức năng của dấu ngoặc kép; đặc trưng của văn bản, đoạn văn, kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.
- Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến khi dạy đọc VB ở hoạt động *chuẩn bị đọc*, *trải nghiệm cùng văn bản* (chia sẻ cảm nhận/ kết quả trả lời một số câu hỏi), *suy ngẫm và phân hồi*; phân tích kiểu văn bản, thực hiện một số bước của quy trình viết, nói và nghe.
- Ngoài ra GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi và một số kĩ thuật dạy học như sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe và tri thức tiếng Việt.

2. Phương tiện dạy học

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh (nếu có thể).
- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

– Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (*chuẩn bị đọc, suy ngẫm và phân hỏi*) trong SGK thành phiếu học tập.

– Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể giới thiệu bài học bằng hình ảnh, câu hỏi khơi gợi kiến thức nền của HS về những gì HS đã trải qua, ví dụ như một việc làm mà HS cho là có ý nghĩa đối với những người xung quanh. GV có thể dùng đoạn clip ngắn liên quan đến chủ điểm bài học (như hình ảnh HS quyên góp quần áo, sách vở tặng các bạn có hoàn cảnh khó khăn,...) Sau đó, GV nêu câu hỏi lớn của bài học cho HS suy ngẫm.

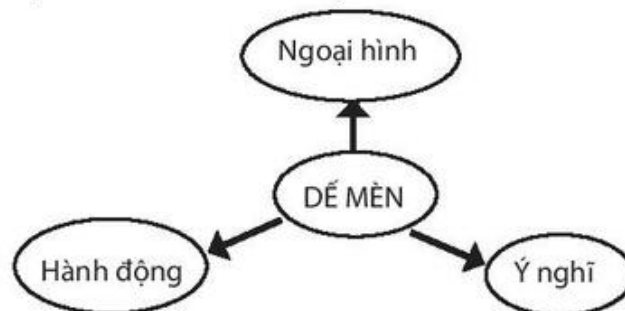
TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Tri thức đọc hiểu

Trong bài học này, *Tri thức đọc hiểu* nên được dạy ở giờ học của VB *Gió lạnh đầu mùa*. Đây là bài đầu tiên HS học về thể loại truyện hiện đại trong chương trình Ngữ văn 6 nên GV cần giải thích, dùng ví dụ, sơ đồ, nêu câu hỏi gợi mở để HS hiểu được các đặc điểm của truyện: chi tiết tiêu biểu, ngoại hình của nhân vật, ngôn ngữ nhân vật, hành động của nhân vật, ý nghĩ của nhân vật.

– Dạy về chi tiết tiêu biểu: GV có thể yêu cầu HS mở SGK, đọc đoạn đầu tiên của *Gió lạnh đầu mùa* và nêu một vài chi tiết mà HS cho là nổi bật nhất, giải thích vì sao cho là nổi bật. Dựa trên câu trả lời của HS, GV giúp HS hiểu thế nào là chi tiết tiêu biểu.

– Dạy về nhân vật: GV có thể yêu cầu HS đọc mục *Tri thức đọc hiểu*, sau đó gọi HS nhớ lại nhân vật Dế Mèn (đã học ở học kì I), liệt kê những chi tiết miêu tả ngoại hình, hành động, ý nghĩ của Dế Mèn và điền vào sơ đồ sau để làm rõ tri thức về nhân vật. Nên cho HS làm sơ đồ này ở nhà trước khi đến lớp.



2. Tri thức tiếng Việt

Bài này có hai yêu cầu về *Tri thức tiếng Việt*.

– Nghĩa văn cảnh của một từ ngữ khi được đặt trong dấu ngoặc kép.

– Đặc điểm, chức năng cơ bản của đoạn văn và VB.

Dấu ngoặc kép có những chức năng như: đánh dấu cách hiểu một từ ngữ không theo nghĩa thông thường; đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp; đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san,... được trích dẫn. Tuy nhiên, khi dạy bài này, GV chỉ tập trung giải thích cho HS hiểu chức năng mà chương trình yêu cầu, đó là đánh dấu cách hiểu một từ ngữ không theo nghĩa thông thường. Khi giải thích, GV nên kết hợp lấy ví dụ minh họa để HS hiểu về chức năng này của dấu ngoặc kép.

Dạy tri thức về VB và đoạn văn, GV cần giải thích rõ các đặc điểm, chức năng cơ bản của đoạn văn và VB. GV lấy ví dụ minh họa đồng thời dùng sơ đồ đoạn văn, VB để HS hiểu rõ lí thuyết trước khi thực hành.

GV cũng có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi học đọc văn bản 1, 2 và 3 để tạo thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC

1. Kỹ năng đọc theo thể loại

Trong bài *Những trải nghiệm trong đời*, HS đã được làm quen với thể loại truyện qua tiểu loại truyện đồng thoại. Vì thế, khi dạy bài này, GV cần tiếp tục hướng dẫn HS nhận biết rõ hơn về thể loại truyện qua một số đặc điểm cơ bản: (1) có cốt truyện, bao gồm các sự kiện, tình tiết; (2) có nhân vật (có thể là con người, loài vật,...), nhân vật có tính cách, thể hiện qua ngoại hình, lời nói, ý nghĩ, hành động; (3) tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện trực tiếp hoặc gián tiếp.

2. Kỹ năng liên hệ

Trong bài học này, GV nên tập trung vào kỹ năng liên hệ.

Cách dạy:

– Giải thích ngắn gọn về kỹ năng liên hệ.

– Chọn đọc một đoạn trong VB, làm mẫu kỹ năng liên hệ bằng cách nói to suy nghĩ của GV khi dùng kỹ năng này để HS có thể quan sát được cách thực hiện kỹ năng. Ví dụ: khi đọc đến cuối đoạn “Thằng Cúc, thằng Xuân,... hàm răng đập vào nhau”, GV tạm ngừng và nói “đoạn này gợi cho cô nhớ lại hình ảnh cậu bé bán vé số cô gặp hôm kia khi trú mưa. Cậu bé chỉ khoảng 6 tuổi, chân đất, mặt tái xám vì lạnh”.

– Sau đó, GV giải thích cho HS tác dụng của liên hệ: giúp ta dùng hiểu biết của mình để hiểu VB hơn.

– Mời HS đọc một đoạn khác và thực hiện theo cách mà GV đã làm, nhận xét kỹ năng của HS thực hiện.

Khi HS thực hiện nhóm câu hỏi sau khi đọc ở mục *Suy ngẫm và phản hồi*, GV tiếp tục cho HS thực hiện kỹ năng này.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, câu chuyện, nhân vật trong tính chính thể.	1, 2, 3, 4, 6, 7
Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua ngoại hình, cử chỉ, hành động, ý nghĩ của nhân vật.	3, 4
Nêu được bài học về cách nghĩ và ứng xử của cá nhân được gợi ra từ VB.	5

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi/ nhóm nhỏ/ cá nhân để suy nghĩ, trao đổi về 2 câu hỏi *Chuẩn bị đọc* bằng kỹ thuật *trình bày 1 phút*.

Đối với câu hỏi 1: GV yêu cầu HS ghi lại những dự đoán về nội dung của VB sẽ đọc viết về điều gì. Sau khi hoạt động đọc kết thúc, kiểm tra tính chính xác của những dự đoán ấy. Khi HS dự đoán, GV không đánh giá kết quả dự đoán của HS mà khuyến khích các em đưa ra càng nhiều dự đoán càng tốt, miễn là các em lí giải được cơ sở để đưa ra được những dự đoán ấy. GV có thể khuyến khích HS đưa ra những dự đoán về VB bằng một số mẫu câu sau: Em nghĩ là nội dung truyện *Gió lạnh đầu mùa* có thể là ... Để đưa ra dự đoán ấy, em căn cứ vào ...

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

VB này khá dài nên GV cần hướng dẫn HS đọc trước ở nhà. Đến lớp, GV tiếp tục tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB, kết hợp với việc GV đọc mẫu một vài đoạn.

Trong quá trình đọc, khi gặp những câu hỏi trong khung, GV cho HS tạm dừng khoảng 1 đến 2 phút để suy ngẫm, trả lời câu hỏi, qua đó, HS thực hành kỹ năng đọc.

GV góp ý cho cách đọc của HS: mức độ đọc trôi chảy, độ to, rõ; khả năng diễn cảm của giọng đọc (sự phù hợp của tốc độ đọc, phân biệt giọng của các nhân vật, mức độ biểu cảm trong khi đọc,...).

2.3. Suy ngẫm và phân hồi

Trọng tâm của bài này là hướng dẫn HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của truyện thể hiện qua: chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, câu chuyện, đặc điểm của nhân vật thể hiện qua ngoại hình, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ.

Câu hỏi 1 và 2 là nhóm câu hỏi hướng dẫn HS tìm những từ ngữ, chi tiết, hình ảnh trong VB. Thông tin trả lời của nhóm câu hỏi này thường được thể hiện trực tiếp trên VB. Ví thể, GV yêu cầu HS cần trả lời chính xác bằng cách đọc kĩ VB. Cụ thể là:

Câu hỏi 1: GV hướng dẫn HS đọc kĩ đoạn miêu tả nhân vật Sơn được in nghiêng trong câu hỏi, liệt kê những từ ngữ thể hiện ý nghĩ, cảm xúc trong lòng nhân vật. Đó là những từ ngữ: “chợt nhớ”, “động lòng thương”, “nhớ thương”, “ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua”. Câu hỏi này là tiền đề hướng HS chú ý vào tình cảm, tính cách của nhân vật sẽ được hỏi cụ thể, sâu hơn ở những câu hỏi sau.

Câu hỏi 2: Mục đích của câu hỏi là hướng dẫn HS nhận biết quan hệ nguyên nhân kết quả, sự móc xích giữa các sự kiện, từ đó nhận biết mối quan hệ giữa các sự kiện trong tính chỉnh thể của VB, góp phần thể hiện chủ đề của truyện. Câu hỏi cũng góp phần giúp HS có ấn tượng chung về VB. Đối với câu hỏi này, GV có thể hướng dẫn HS vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các sự kiện.

Gợi ý trả lời: các sự việc chính trong *Gió lạnh đầu mùa* được tóm tắt liên quan với nhau theo quan hệ nhân quả. Nếu không có sự việc (c) thì không xảy ra sự việc (đ).

Câu hỏi 3, 4, 5 là những câu hỏi *phân tích, suy luận*. Để có thể trả lời nhóm câu hỏi này, GV cần hướng dẫn HS cách tìm kiếm, thu thập, kết nối các thông tin nằm rải rác trong VB, kết hợp với kinh nghiệm/ kiến thức nền của chính HS để suy luận nội dung mà tác giả không trình bày trực tiếp trên VB.

Với những câu hỏi nhóm này, GV yêu cầu HS đọc lại những đoạn trong VB, kết hợp sử dụng tri thức đọc hiểu đồng thời liên hệ với tri thức nền của chính mình để tìm cơ sở cho câu trả lời. GV cần chú ý kết nối nội dung của các câu hỏi ở nhóm này với mục tiêu bài học, cụ thể như sau:

Câu hỏi 3: Mục đích của câu hỏi là hướng dẫn HS suy luận ý nghĩa chi tiết, hành động, từ đó, nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật (thông qua ý nghĩ, hành động của nhân vật) bằng cách điền vào sơ đồ sau:

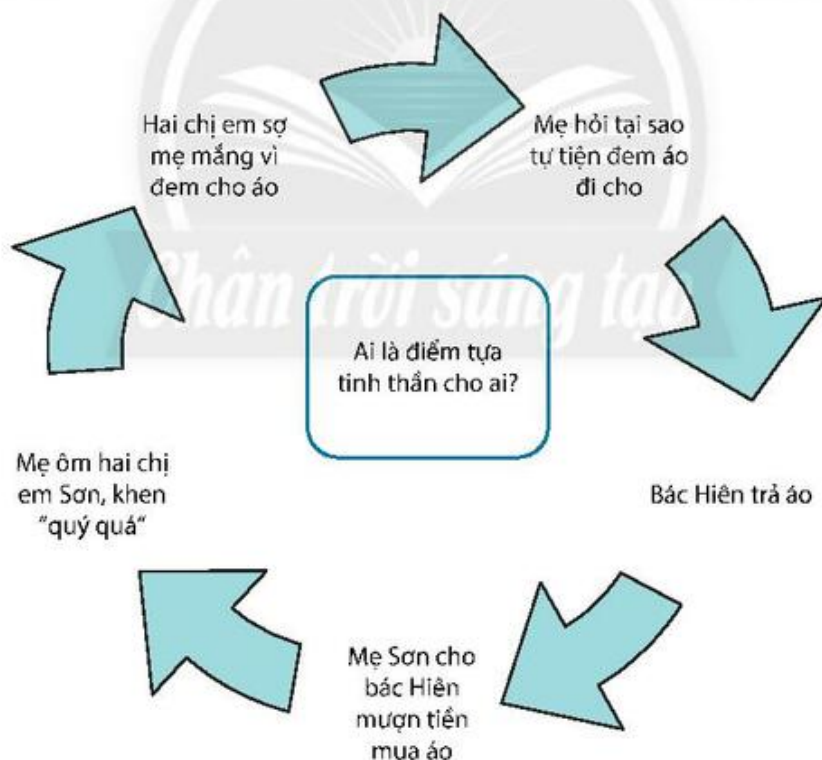


Trong trang sách là những chi tiết được thể hiện trong VB: Sơn thấy Hiên không có áo ấm, từ đó, nhớ đến em Duyên; Sơn và Lan về lấy áo cho Hiên.

Trong đầu tôi là suy luận của người đọc. Tùy vào khả năng của mình, HS có thể có những câu trả lời khác nhau: hành động này thể hiện lòng nhân hậu, thương người của hai chị em Sơn và Lan; thể hiện việc Sơn vui vì đã giúp được Hiên; một hành động nhỏ nhưng đã giúp Hiên tránh được rét; hoặc cả ba ý này thể hiện việc Sơn vui vì đã giúp được Hiên, một hành động nhỏ nhưng đã giúp Hiên tránh được rét.

Câu hỏi 4: Mục đích của câu hỏi là hướng dẫn HS suy luận hành động của hai người mẹ, đồng thời làm rõ hơn chủ điểm *Điểm tựa tinh thần* của bài học. GV có thể cho HS thảo luận về câu hỏi này.

Gợi ý trả lời: Mẹ không trách mắng Sơn và Lan vì thấy con đã làm được một việc tốt; đồng cảm với lòng trắc ẩn, tình thương của hai con; chiếc áo, vật kỉ niệm đã được trả lại. Hành động của hai đứa trẻ đã tác động đến cách ứng xử của hai người mẹ: bác Hiên hiểu đây là chiếc áo kỉ vật và gửi lại áo, đồng thời có lẽ là sợ chị em Lan bị mẹ mắng nên nói với mẹ Sơn “Tôi biết cậu ở đây đùa”. Mẹ Sơn hiểu hoàn cảnh của mẹ con Hiên và cho bác Hiên mượn tiền để may áo cho con. Câu chuyện được kết thúc một cách nhẹ nhàng, thể hiện sự lan tỏa của tình yêu thương, người này là điểm tựa tinh thần cho người kia.



Câu hỏi “Ai là điểm tựa tinh thần cho ai?” là một câu hỏi rất thú vị, có thể có nhiều câu trả lời: chị em Sơn là điểm tựa tinh thần cho mẹ; mẹ là điểm tựa tinh thần cho chị em Sơn; mẹ con Sơn là điểm tựa tinh thần cho mẹ con bác Hiên.

Câu hỏi 5: Câu hỏi được thiết kế theo hướng mở để mỗi HS, với tri thức nền và với quan điểm cá nhân của mình, có thể có những đánh giá và liên hệ, vận dụng khác nhau. Vì thế, GV nên tổ chức cho HS trao đổi, chia sẻ, thậm chí là tranh luận trong nhóm và giữa nhóm này với nhóm khác. GV nên tạo cơ hội cho HS tự do chia sẻ ý kiến của mình, miễn là HS lập luận được cho ý kiến của mình.

Câu hỏi 6, 7: Mục đích của câu hỏi là hướng dẫn HS nhận biết được đề tài, chủ đề của truyện. GV gọi nhắc khái niệm đề tài, chủ đề đồng thời hỗ trợ HS tìm những căn cứ để xác định đề tài, chủ đề của truyện.

GV có thể yêu cầu HS quay lại nội dung câu hỏi số 2 để tìm căn cứ xác định chủ đề của truyện.

Gợi ý trả lời câu 6: Truyện *Gió lạnh đầu mùa* nói về việc cho áo và cho vay tiền mua áo của hai gia đình ở một phố chợ nghèo.

Gợi ý trả lời câu 7: *Gió lạnh đầu mùa* thể hiện tình yêu thương, sự cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau giữa người với người trong cuộc sống.

VĂN BẢN 2: TUỔI THƠ TÔI

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi Suy ngẫm và phản hồi

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nêu được ấn tượng chung về VB.	1
Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể.	2, 3, 4, 5, 6
Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua ngoại hình, cử chỉ, hành động, ý nghĩ của nhân vật.	2, 3, 5, 6
Nêu được bài học về cách nghĩ và ứng xử của cá nhân được gợi ra từ VB.	7

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Dành vài phút cho HS chia sẻ trong nhóm nhỏ hai câu hỏi, sau đó mời một vài HS trình bày, từ đó GV dẫn vào bài học.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Cách làm tương tự bài trước.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi về văn bản

Tiếp tục hướng dẫn HS nhận biết được đặc điểm của truyện như: các chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, câu chuyện, nhân vật trong tình cảnh thể của tác phẩm.

Câu hỏi 1: Hướng dẫn HS phát biểu ấn tượng sau khi đọc xong VB. Với câu hỏi này, HS có thể có những ý kiến khác nhau khi đọc được những chi tiết, tiếp xúc với các nhân vật, nắm được những sự việc trong truyện. Đó là những cảm nhận riêng, GV không cần đánh giá. GV nên yêu cầu HS ghi lại ý kiến vào giấy và tiếp tục bổ sung sau khi tìm hiểu, giải đáp hết các câu hỏi. Nhờ đó, HS cảm nhận được quá trình thay đổi nhận thức của bản thân và hoàn thiện dần kĩ năng đọc.

Câu hỏi 2, 3, 4: GV có thể chia lớp thành 6 nhóm:

- Nhóm 1, 2: trả lời câu hỏi 2 vào bảng phụ;
- Nhóm 3, 4: trả lời câu hỏi 3 vào bảng phụ;
- Nhóm 5, 6: trả lời câu hỏi 4 vào bảng phụ.

Câu hỏi 2: Hướng dẫn HS nhận diện tính cách nhân vật qua từ ngữ của người kể chuyện. HS có thể liệt kê một số chi tiết như:

– Đoạn 4 có các chi tiết như: Lợi là thằng “trùm sò” nổi tiếng trong lớp tôi, đĩa nào nhờ chuyện gì nó cũng làm nhưng phải trả công nó đáng hoàng...

– Đoạn 5: Một hôm tình cờ bắt được con đế lửa, Lợi quý lắm, ai đòi gì cũng không đồng ý.

– Đoạn 10: Lợi khóc rưng rức khi đón cái hộp diêm méo mó từ tay thầy.

– Đoạn 11: Lợi chôn chú đế lửa dưới gốc cây bời lờ sau vườn nhà nó.

– ...

Câu hỏi 3: Giúp HS nhận diện những chi tiết tiêu biểu trong truyện. Gợi ý trả lời:

- Phản ứng của Lợi: khóc rưng rức; đặt đế vào hộp các tông, chôn dưới gốc cây.
- Giải thích: Vì đối với Lợi, con đế ấy là vật báu.

Câu hỏi 4: Giúp HS phát hiện thêm những chi tiết thể hiện tình cảm của các nhân vật đối với chú đế, của bạn bè và thầy Phu đối với Lợi. HS có thể liệt kê những chi tiết như:

- Lợi đặt đế vào hộp các tông, chôn dưới gốc cây.
- Nhân vật “tôi” đào hố chôn đế thật sâu và vuông vức.
- Cả nhóm lấp đầy đất lên mộ chú đế.
- Lợi cắm lên mộ đế những nhánh cỏ tươi.
- Thầy Phu đặt lên mộ đế một vòng hoa.

Câu hỏi 5: Cách thức thực hiện tương tự như đối với nhóm câu hỏi phân tích, suy luận trong VB *Gió lạnh đầu mùa*. Mục đích của nhóm câu hỏi này là hướng dẫn HS thực hiện kỹ năng nhận biết các chi tiết tiêu biểu về nhân vật và chứng minh cho ý kiến của mình, từ đó hiểu rõ hơn.

Câu hỏi 6: Gợi ý trả lời:

– Nhân vật Lợi được nói đến nhiều nhất vì Lợi là nhân vật chính, trong VB có nhiều chi tiết miêu tả Lợi.

– Ban đầu để lửa là nhân vật gây sự chia rẽ giữa Lợi và các bạn vì các bạn ghen tị với Lợi về việc Lợi có con để quý. Sau khi thầy Phu vô ý làm để chết, các bạn và Lợi gần nhau hơn bởi vì các bạn đã nhận ra sai lầm của mình, hối hận vì đã góp phần làm để chết, vì thực ra cả lớp đều quý con để và quý Lợi.

Để HS có thể trả lời câu hỏi này, trước tiên, GV hướng dẫn HS tìm các chi tiết về cách ứng xử của bạn học, của thầy Phu và điền vào bảng sau:

	Cách ứng xử của bạn học	Cách ứng xử của thầy Phu
Khi để lửa còn sống		
Sau khi để lửa chết		

Qua sự thay đổi trong cách ứng xử của các nhân vật, HS nhận ra: (1) ý nghĩa của để lửa đối với Lợi; (2) nhân vật “tôi” và các bạn mình đã vô ý làm Lợi bị tổn thương; (3) tính cách của các nhân vật. Từ đó, nhận ra chủ đề của truyện, đó là qua câu chuyện về Lợi và chủ để lửa, tác giả khẳng định ý nghĩa của sự cảm thông, thấu hiểu và tha thứ đối với cuộc sống của chúng ta.

Câu hỏi 7: Mục đích của câu hỏi 7 là giúp HS đánh giá về nhân vật với tư cách là “điểm tựa tinh thần” đối với nhân vật khác và rút ra bài học về kỹ năng sống. GV nên cho HS thảo luận để chia sẻ ý kiến của mình. GV có thể chấp nhận những câu trả lời khác nhau, miễn sao lập luận của các em logic, thuyết phục. Điều này giúp HS nhìn vấn đề từ nhiều góc độ, đồng thời học kỹ năng giao tiếp.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: CON GÁI CỦA MẸ

1. Yêu cầu cần đạt

- Vận dụng kỹ năng đọc để hiểu nội dung văn bản thông tin.
- Liên hệ, kết nối với VB *Gió lạnh đầu mùa*, *Tuổi thơ tôi* để hiểu hơn về chủ điểm *Điểm tựa tinh thần*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

VB *Con gái của mẹ* không thuộc thể loại truyện mà là VB thông tin kết nối với các VB 1 và 2 theo chủ điểm. Do vậy, khi dạy bài đọc này, GV chỉ cần hướng dẫn HS:

- Đọc lướt nhan đề và tên tiêu mục để dự đoán về nội dung VB.
- Đọc sâu VB và tìm các chi tiết thể hiện tình cảm của mẹ đối với con, con đối với mẹ và sự cố gắng của Lam Anh.
- Thảo luận để nhận biết 2 mẹ con là điểm tựa tinh thần cho nhau. GV có thể chấp nhận những câu trả lời khác nhau, miễn sao lập luận của các em logic, thuyết phục.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được nghĩa văn cảnh của một từ ngữ khi được đặt trong dấu ngoặc kép.
- Chỉ ra được những đặc điểm, chức năng cơ bản của đoạn văn và văn bản.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

(Xem lại mục *Tri thức Ngữ văn*)

3. Thực hành tiếng Việt

Bài tập 1: Giúp HS nhận diện một từ ngữ được đặt trong dấu ngoặc kép trên phương diện hình thức và nghĩa văn cảnh của chúng. GV có thể yêu cầu HS liệt kê những từ được đặt trong dấu ngoặc kép và tra từ điển nghĩa gốc của những từ ấy ở nhà. HS đến lớp và tham gia thảo luận nhóm, hoàn thành bài tập tại lớp. Sau đó, GV bổ sung kiến thức cho HS.

Gợi ý trả lời:

Từ ngữ trong ngoặc kép	Nghĩa thông thường	Nghĩa theo dụng ý của tác giả
liều mình như chẳng có	quyết hi sinh	hăng máu (chỉ con đế)
thảm thiết	thê thảm, thống thiết	trở trêu (tình huống của nhân vật)
trùm sò	người ích kỉ, luôn tìm cách thu lợi cho mình	ích kỉ (tính cách của trẻ con, được đặt trong ngoặc kép để giảm mức độ nghiêm trọng)
thu vén cá nhân	chăm lo cho lợi ích cá nhân của mình	ích kỉ (tính cách của trẻ con, được đặt trong ngoặc kép để giảm mức độ nghiêm trọng)
làm giàu	làm cho trở nên giàu có, nhiều của cải, tiền bạc	tích lũy thêm bi (hành động của nhân vật Lợi)

võ đài	đài đấu võ	chỗ tổ chức chọi đế
cao thủ	người tài giỏi, có khả năng hành động, ứng phó hơn người	một chú đế thiện chiến
ra giang hồ	gia nhập vào giang hồ - thế giới võ hiệp nơi các anh hùng, nghĩa sĩ hành tẩu.	sự xuất hiện của đế lửa trong trò chơi chọi đế của trẻ con
trả thù	làm cho người đã hại mình chịu điều xứng đáng với điều người đó gây ra	ngịch ngợm (hành động của trẻ con)
cao thủ đế	như trường hợp từ “cao thủ”	như trường hợp từ “cao thủ”
cử hành tang lễ	tiến hành tang lễ một cách trang nghiêm (thường là cho người)	chôn cất và tưởng niệm con đế (hành động nhân vật Lợi)

Bài tập 2: Giúp HS hình thành kỹ năng sử dụng những gì đã học vào giao tiếp bằng hình thức viết. Trước tiên, GV yêu cầu mỗi HS viết câu có sử dụng dấu ngoặc kép và giải thích công dụng của chúng. Sau đó, cho HS chia sẻ trong nhóm để trao đổi, thảo luận. Tiếp theo, mời một vài HS trình bày kết quả bằng cách viết lên bảng.

Bài tập 3: Giúp HS vận dụng những kiến thức đã học về đoạn văn (chủ yếu là trên phương diện hình thức). GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức đã học về đoạn văn: “Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn. Về hình thức, đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn”. Trên cơ sở đó, xác định số đoạn trong VB.

Bài tập 4: Giúp HS vận dụng những kiến thức về đoạn văn (chủ yếu trên phương diện nội dung). Đoạn văn có thể có hoặc không có câu chủ đề, mang ý chính trong đoạn, thường đứng ở đầu câu hoặc cuối câu. Đoạn thứ nhất trong bài tập này có câu chủ đề đứng ở đầu đoạn: “*Bài ca có thể là lời của cô gái*”. Đoạn thứ hai trong bài tập này không có câu chủ đề.

VIẾT NGẮN

Đây là bài tập yêu cầu HS sáng tạo. GV nên cho HS làm ở nhà. Sau đó, HS đem bài viết đến lớp chia sẻ ở tiết học tiếp theo. GV nhắc HS viết theo đúng yêu cầu: chia sẻ với bạn bè về một kỉ niệm của HS với người thân, người là điểm tựa tinh thần của HS bằng một đoạn văn có độ dài tối thiểu 100 chữ. GV lưu ý HS đánh dấu chỗ sử dụng ngoặc kép và giải thích tác dụng của dấu ngoặc kép.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật trong truyện; nêu được ấn tượng chung về VB; nhận biết được đề tài, chủ đề, câu chuyện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

2. Thực hành đọc

GV có thể cho HS đọc ở nhà, hướng dẫn HS kẻ bảng theo mẫu trong SGK vào vở rồi điền thông tin trả lời. Khi đến lớp, GV tổ chức cho HS trao đổi, trình bày kết quả đọc với các bạn khác trong nhóm/ lớp. Thông qua kết quả đọc của HS, GV giúp HS ôn lại những đặc điểm của truyện (đề tài, chủ đề, chi tiết tiêu biểu, nhân vật (ngoại hình, hành động, tính cách trong chỉnh thể tác phẩm). Hoạt động hướng dẫn đọc mở rộng theo thể loại có thể được thực hiện vào cuối bài học, kết hợp với hoạt động ôn tập.

Gợi ý trả lời:

Đề tài: Viết về cuộc sống chật vật, nghèo khổ của những người họa sĩ nghèo và tình thương yêu giữa họ.

Một số chi tiết tiêu biểu:

– Giôn-xi ốm nặng và nghĩ mình sẽ chết khi chiếc lá cuối cùng trên cây thường xuân rụng xuống.

– Xu hết lòng chăm sóc Giôn-xi.

– Mặc mưa tuyết, chiếc lá vẫn không rụng, hình ảnh chiếc lá khơi dậy khát vọng sống của Giôn-xi.

– Bác sĩ đến thăm, nói với Xu là nếu Giôn-xi được chăm sóc chu đáo, cô ấy sẽ sống. Kế đó, ông xuống lầu thăm một bệnh nhân khác là họa sĩ Bơ-mơn bị sung phổi.

– Giôn-xi khỏi bệnh, Xu báo với Giôn-xi là cụ Bơ-mơn đã chết vì sung phổi. Để truyền niềm hi vọng sống cho Giôn-xi, cụ đã hi sinh tính mạng của mình khi dầm mưa tuyết vẽ chiếc lá thường xuân, thay thế cho chiếc lá thật cuối cùng đã rụng xuống.

Ngoại hình, hành động của nhân vật Giôn-xi: GV gợi ý cho HS tìm một số chi tiết về ngoại hình, hành động của nhân vật này. Ví dụ: cặp mắt to thần thờ (ngoại hình), ra lệnh

cho Xu kéo tấm màn màn lên để nhìn chiếc lá cuối cùng, ngồi dậy nói với Xu cho ăn cháo và sữa pha rượu vang, vui vẻ đan một chiếc khăn choàng len (hành động).

Ý nghĩ của nhân vật Giôn-xi: GV có thể hướng dẫn HS tìm một vài chi tiết về ý nghĩ của nhân vật Giôn-xi đã được tác giả miêu tả trực tiếp hoặc gián tiếp. Ví dụ: nghĩ mình sẽ chết khi chiếc lá cuối cùng rơi xuống, nhận thấy mình thật tệ khi chiếc lá thường xuân vẫn sống bền bỉ bất chấp mưa tuyết còn mình lại yếu đuối chỉ nghĩ đến cái chết (miêu tả trực tiếp); niềm hi vọng sống bùng dậy (miêu tả gián tiếp qua hành động ngồi dậy xin Xu cho ăn cháo và uống sữa).

VIẾT

1. Yêu cầu cần đạt

Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

Để HS có thể viết được biên bản đúng quy cách, GV cần giúp HS hiểu được cấu trúc của một biên bản.

GV có thể yêu cầu HS:

– Xem trước ở nhà kiểu bài viết trong mục *Mẫu biên bản họp lớp* (chú ý yêu cầu đối với kiểu VB: về hình thức, bố cục cần có; về nội dung, thông tin cần bảo đảm) và *Hướng dẫn phân tích kiểu VB* trong SGK.

Trên lớp, GV nên:

- Cho HS nhắc lại những yêu cầu đối với kiểu bài biên bản.
- GV dùng lời để giải thích kết hợp với trình chiếu một biên bản cụ thể để HS nhận biết đặc điểm của biên bản.

3. Phân tích kiểu văn bản

Cách dạy tương tự các bài trước.

4. Viết theo quy trình

Có 2 cách để hướng dẫn HS cách viết biên bản:

- Cách 1: dạy theo 3 bước như hướng dẫn trong SGK.
- Cách 2: Cho HS xem clip một buổi họp lớp, yêu cầu HS đóng vai thư kí ghi chép biên bản buổi họp, sau đó, hướng dẫn HS dùng bảng kiểm để tự kiểm tra lẫn nhau.

NÓI VÀ NGHE

1. Yêu cầu cần đạt

Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác (dưới hình thức nói và nghe).

2. Thực hành nói và nghe

Khi dạy kĩ năng tóm tắt nội dung trình bày của người khác, GV nên tích hợp với việc học viết biên bản. Ví dụ như:

– Tổ chức một cuộc họp lớp giả định thảo luận về một vấn đề nào đó, chỉ định một hoặc hai HS đóng vai người nói, những HS khác đóng vai người nghe, ghi chép ý kiến người nói.

– Sau đó, mời một vài HS trình bày phần ghi chép của mình và xác nhận với người nói những gì vừa tóm tắt.

– Thảo luận chung trên lớp về phần ghi tóm tắt của HS.

ÔN TẬP

Trước khi tổ chức ôn tập tại lớp, GV cần hướng dẫn HS đọc lại các VB và tự làm các bài tập trong mục *Ôn tập* trước ở nhà. Trong quá trình làm, HS cần ghi lại những thắc mắc, khó khăn để trao đổi tại lớp trong giờ ôn tập.

Trong tiết ôn tập trên lớp, GV có thể tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá một vài sản phẩm viết ngắn tiêu biểu ở đầu tiết ôn tập nếu hoạt động này chưa được thực hiện ở những giờ khác. Sau đó, GV có thể tổ chức cho HS thảo luận trong nhóm các bài tập và mời một số nhóm trình bày kết quả thảo luận.

Bài tập 1: Hướng dẫn HS:

– Đọc lại mục *Tri thức đọc hiểu* (SGK Ngữ văn 6, tập một, tr. 38) để ôn lại khái niệm đề tài, chủ đề và mục *Tri thức đọc hiểu* (SGK Ngữ văn 6, tập hai, tr. 5) để nắm chắc khái niệm chi tiết tiêu biểu và điền vào bảng.

– Đọc lại ba VB *Gió lạnh đầu mùa*, *Tuổi thơ tôi*, *Chiếc lá cuối cùng* và điền thông tin vào bảng.

Gợi ý trả lời:

Tác phẩm	Đề tài	Chủ đề	Chi tiết tiêu biểu
<i>Gió lạnh đầu mùa</i>	Viết về việc cho áo và cho vay tiền mua áo của hai gia đình ở một phố chợ nghèo.	Ca ngợi tình yêu thương, sự cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau giữa người với người trong cuộc sống.	Sơn thấy động lòng thương bé Hiên. Chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Mẹ Sơn hỏi hai chị em về chiếc áo. Bác Hiên trả áo. Mẹ Sơn cho bác Hiên vay tiền mua áo. Mẹ Sơn ôm hai con vào lòng.

<i>Tuổi thơ tôi</i>	Viết về Lợi, các bạn của Lợi và chú đế lửa.	Khẳng định ý nghĩa của sự cảm thông, thấu hiểu và tha thứ đối với cuộc sống của chúng ta.	<p>Ai nhờ Lợi làm chuyện gì cũng phải trả công.</p> <p>Lợi có con đế lửa li đòn, giỏi đánh nhau, gáy rất to.</p> <p>Các bạn trong lớp ghét Lợi vì ai đòi đổi đế lửa lấy món đồ khác Lợi cũng không chịu.</p> <p>Bảo lắc mạnh hộp đế trong giờ học làm đế gáy inh ỏi.</p> <p>Thầy Phu tịch thu hộp đế và vô tình đặt cặp lên hộp đế khiến đế chết.</p> <p>Lợi và các bạn cùng thầy Phu tiếc thương và làm đám tang cho đế.</p>
<i>Chiếc lá cuối cùng</i>	Viết về cuộc sống chật vật, nghèo khổ của những người họa sĩ nghèo và tình thương yêu giữa họ.	Đề cao giá trị của tình yêu thương, sự hi sinh cao cả của những người nghệ sĩ nghèo khổ, ý nghĩa của niềm tin trong cuộc sống.	<p>Giôn-xi ốm nặng và nghĩ mình sẽ chết khi chiếc lá cuối cùng trên cây thường xuân rụng xuống.</p> <p>Xu hết lòng chăm sóc Giôn-xi.</p> <p>Mặc mưa tuyết, chiếc lá vẫn không rụng, hình ảnh chiếc lá khơi dậy khát vọng sống của Giôn-xi.</p> <p>Bác sĩ đến thăm, nói với Xu là nếu Giôn-xi được chăm sóc chu đáo, cô ấy sẽ thẳng. Kế đó, ông xuống lầu và thăm một bệnh nhân khác là họa sĩ Bơ-mơn bị sưng phổi.</p> <p>Giôn-xi khỏi bệnh, Xu báo với Giôn-xi là cụ Bơ-mơn đã chết vì sưng phổi. Để truyền niềm hi vọng sống cho Giôn-xi, cụ đã hi sinh tính mạng của mình khi dầm mưa tuyết vẽ chiếc lá thường xuân, thay thế cho chiếc lá thật cuối cùng đã rụng xuống.</p>

Bài tập 2: Tổ chức cho HS thảo luận trong nhóm nhỏ để các em có cơ hội chia sẻ suy nghĩ và bài học về cách ứng xử của bản thân dựa trên những trải nghiệm cá nhân. Đây là câu hỏi mở nên GV không nên gò ép một phương án trả lời.

Bài tập 3: Hướng dẫn HS đọc lại các chi tiết miêu tả về hai nhân vật thầy Phu và cụ Bơ-mơn trong hai VB *Tuổi thơ tôi* và *Chiếc lá cuối cùng*, sau đó, rút ra một số nhận xét về hai nhân vật.

Gợi ý trả lời:

– Điểm giống nhau giữa hai nhân vật:

+ Cả hai nhân vật đều có tác động đến các nhân vật khác trong truyện. Chiếc lá mà cụ Bơ-mơn đã vẽ trong đêm mưa tuyết là “điểm tựa tinh thần” cho Giôn-xi. Hành động đem vòng hoa đến đám tang để lửa và xin lỗi Lợi “Đừng giận thầy nghe con” của thầy Phu đã thể hiện sự chia sẻ với nỗi buồn của Lợi và góp phần làm Lợi cảm thấy ấm lòng.

+ Cả hai nhân vật đều tham gia vào việc góp phần thể hiện chủ đề của truyện: tình yêu thương giữa người với người làm nên những điểm tựa tinh thần cho mỗi chúng ta trong cuộc sống.

– Điểm khác nhau giữa hai nhân vật:

+ Thầy Phu: Hành động vô ý làm đổ lửa chết của thầy Phu đã góp phần giúp các bạn trong lớp nhìn thấy một nét tính cách khác của Lợi, đó là yêu quý con vật, dễ xúc cảm. Sự day dứt của thầy Phu và vòng hoa mà thầy mang đến đặt lên mộ chú để đã phần nào xoa dịu nỗi đau của Lợi và đã làm cho Lợi cũng như các bạn học được bài học về cách ứng xử đối với lỗi lầm từ hành động của thầy.

+ Cụ Bơ-mơn hi sinh tính mạng của mình để đem lại niềm hi vọng sống cho Giôn-xi. Kiệt tác để đời của cụ không phải là bức tranh đẹp được vẽ trên giấy, “kiệt tác” của cụ Bơ-mơn chính là hành động thực tế: đánh đổi sức khỏe của mình để đem lại niềm hi vọng sống cho cô gái trẻ.

Bài tập 4: GV tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm những bài học kinh nghiệm mà HS rút ra về cách viết biên bản và cách tóm tắt nội dung trình bày của người khác. GV không nên gò ép một câu trả lời đúng vì đây là câu hỏi mở.

Bài tập 5: Bài tập này yêu cầu HS liên hệ với thực tế cuộc sống của bản thân để nêu những việc mà HS đã và có thể sẽ làm để trở thành “điểm tựa tinh thần” cho người khác. GV lưu ý: không yêu cầu HS nêu những việc làm to tát mà chỉ nêu những việc phù hợp với lứa tuổi của các em, ví dụ: an ủi người khác khi họ gặp chuyện buồn, chia sẻ một vật gì đó cho người đang cần,...

Bài tập 6: GV có thể gợi nhắc HS nhớ lại nội dung bốn VB đã đọc trong bài học và chia sẻ trong nhóm cách hiểu của mình về “điểm tựa tinh thần” cũng như ý nghĩa của “điểm tựa tinh thần” đối với mỗi người. Lưu ý: đây là câu hỏi mở nên GV không nên gò ép HS một cách hiểu duy nhất.

BÀI 7: GIA ĐÌNH THƯƠNG YÊU (12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7 tiết; Viết: 2 tiết;
Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được một số nét độc đáo của bài thơ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.
- Nhận biết tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.
- Nhận biết được từ đa nghĩa và từ đồng âm; phân tích được tác dụng của chúng.
- Viết được một đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.
- Biết tham gia thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.
- Yêu thương, quan tâm người thân trong gia đình.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

– Sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về thể loại thơ, kiểu bài viết đoạn văn chia sẻ cảm xúc về bài thơ, thể nào là từ đa nghĩa và từ đồng âm kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.

– Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến khi dạy đọc VB ở hoạt động *chuẩn bị đọc, trải nghiệm cùng văn bản* (chia sẻ cảm nhận/ kết quả trả lời một số câu hỏi), *suy ngẫm và phân hỏi*; phân tích kiểu văn bản, thực hiện một số bước của quy trình viết và nói và nghe.

– Ngoài ra GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi và một số kỹ thuật dạy học như sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe và tri thức tiếng Việt.

2. Phương tiện dạy học

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng để chiếu VB mẫu (nếu có thể).
- Giấy A1 hoặc A3 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (*chuẩn bị đọc, suy ngẫm và phân hỏi*) trong SGK thành phiếu học tập.

- Sơ đồ, biểu bảng.
- Bảng kiểm bài viết, bài trình bày của HS.

II. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể giới thiệu và nêu câu hỏi như trong SGK. Tuy nhiên, GV cũng có thể chuẩn bị một số hình ảnh liên quan chủ điểm *Gia đình yêu thương* và nêu câu hỏi khơi gợi kiến thức nền của HS về gia đình: những kỉ niệm, suy nghĩ,... GV cũng có thể yêu cầu HS chuẩn bị trước và đem một bức ảnh về gia đình đến lớp, chia sẻ ngắn với các bạn trong nhóm. Sau đó, GV nêu câu hỏi lớn của bài học cho HS suy ngẫm.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Tri thức đọc hiểu

Trong bài học này, tri thức đọc hiểu phần hình thức thơ cần được dạy ở phần đầu VB *Những cánh bướm*. GV có thể chiếu bài thơ *Những cánh bướm lên* (nếu không có máy chiếu thì GV có thể cho HS theo dõi VB trong SGK). Sau đó, GV hướng dẫn để HS hiểu về hình thức cấu tạo đặc biệt của thơ (dòng thơ, khổ thơ, số câu, chữ,...). Các phần còn lại của tri thức đọc hiểu, GV chỉ giới thiệu ngắn và nên dạy lồng ghép trong khi dạy các VB thơ.

2. Tri thức tiếng Việt

GV có thể dùng phương pháp phân tích mẫu để phân tích mẫu câu trong SGK nhằm giúp HS hiểu về từ đa nghĩa và từ đồng âm.

– Về từ đa nghĩa:

Ví dụ: Từ *đi* trong hai câu sau là từ đa nghĩa.

- + Hai cha con bước *đi*₁ trên cát.
- + Xe *đi*₂ chậm rì.

*Đi*₁ là nghĩa gốc, chỉ việc người (hoặc vật) tự di chuyển bằng những động tác liên tiếp của chân, lúc nào cũng vừa có chân tựa trên mặt đất, vừa có chân giơ lên đặt tới chỗ khác. *Đi*₂ là nghĩa chuyển, chỉ hoạt động di chuyển của phương tiện vận tải trên một bề mặt. Nghĩa chuyển này được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc, có liên quan đến nghĩa gốc ở ý *di chuyển*.

– Về từ đồng âm:

Ví dụ: *tiếng* trong hai ví dụ sau là hai từ đồng âm khác nghĩa.

- + Lời của con hay *tiếng*₁ sóng thâm thi.
- + Một *tiếng*₂ nữa con sẽ về đến nhà.

Tiếng, là từ chỉ âm thanh phát ra từ một sự vật, đối tượng. *Tiếng*₂ là khoảng thời gian một giờ đồng hồ. Hai từ này đồng âm nhưng hai nghĩa này khác nhau, không liên quan gì với nhau.

Riêng nội dung tri thức tiếng Việt, GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi học đọc văn bản 1, 2 và 3 để tạo thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC

1. Kỹ năng đọc thơ

Trong chương trình lớp 6, HS đã được học về thể thơ lục bát qua bài *Về đẹp quê hương* ở học kì I. GV có thể xem lại bài này để liên hệ khi dạy bài *Gia đình yêu thương*.

Đối với bài *Gia đình yêu thương*, GV hướng dẫn cho HS cách đọc thơ, lưu ý cách đọc, ngắt nhịp để cảm nhận được vần điệu của thơ thông qua dạy các VB thơ chứ không dạy riêng, tách rời. GV cũng dạy cho HS khai thác các yếu tố khác của thơ như từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, yếu tố miêu tả và tự sự trong quá trình hướng dẫn các em tìm hiểu các bài thơ.

2. Kỹ năng tưởng tượng và suy luận

Trong bài học này, GV nên tập trung vào kỹ năng tưởng tượng và kỹ năng suy luận. Lí do là vì ngôn từ thơ có tính hàm súc, giàu hình ảnh nên để hiểu VB, người đọc phải hình dung, tưởng tượng; đồng thời, để hiểu các tầng nghĩa sâu của VB thì HS cần biết suy luận. Tuy nhiên, cả hai kỹ năng này HS đều đã được học ở các bài trước nên GV không cần giải thích kỹ năng mà chỉ cần phân tích ngắn lí do chọn hai kỹ năng này làm tiêu điểm giảng dạy của bài, sau đó cho HS luyện tập.

Cách dạy:

– Trước khi tổ chức cho HS đọc hiểu VB đọc 1: *Những cánh bướm*, GV có thể nói cho HS biết kỹ năng tiêu điểm của bài học là “tưởng tượng” và “suy luận”.

– Yêu cầu HS nhắc lại ngắn gọn về hai kỹ năng dựa trên kinh nghiệm đã học từ các bài trước.

– Dựa trên phần các câu hỏi trong khi đọc liên quan đến hai kỹ năng, GV yêu cầu HS thực hiện, sau đó, GV nhận xét cách HS thực hiện kỹ năng. Chú ý là GV cần quan tâm nhận xét cách HS thực hiện kỹ năng chứ không chỉ nhận xét câu trả lời của HS. Nếu HS chưa thể hiện tốt, GV cũng có thể vừa đọc vừa làm mẫu các kỹ năng này.

– Ở VB đọc 2, GV có thể tổ chức cho HS trao đổi theo cặp, một HS thực hiện kỹ năng còn HS còn lại nhận xét cách thực hiện và câu trả lời.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: NHỮNG CÁNH BUỒM

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết và bước đầu nhận xét được một số nét độc đáo của bài thơ;	1, 2
Nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.	3
Nhận biết tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.	5
Yêu thương, quan tâm người thân trong gia đình.	4

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi để các em chia sẻ kỉ niệm với bạn. Nếu HS lúng túng chưa biết cách chọn kỉ niệm để kể, GV có thể gợi ý đó là một kỉ niệm sâu sắc, tức là ghi lại dấu ấn và khiến em nhớ nhiều nhất.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV hỏi HS kinh nghiệm đọc thơ lục bát đã học ở bài *Vẻ đẹp quê hương* và dựa vào đó để hướng dẫn HS cách đọc thơ. Lưu ý HS cách ngừng nghỉ, ngắt nhịp và cách thể hiện tình cảm phù hợp nội dung từng bài thơ.

GV có thể tổ chức cho một vài HS đọc trực tiếp VB trên lớp và hướng dẫn cho các HS khác nhận xét cách đọc. Nếu HS chưa đọc được như mong muốn thì GV cũng có thể đọc mẫu. Sau đó, GV triển khai phần dạy kĩ năng đọc qua bài thơ *Những cánh bướm*, từ đó kiểm tra và hướng dẫn thêm về kĩ năng tưởng tượng, suy luận cho HS.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

Câu hỏi 1: Đây là câu hỏi nhận biết đặc trưng hình thức của một bài thơ. GV cần căn cứ vào tri thức đọc hiểu để hướng dẫn cho HS nhận diện. GV có thể cho HS so sánh bài thơ với một VB thuộc thể loại khác (ví dụ: truyện đồng thoại đã học trước đó) để HS dễ nhận diện.

Câu hỏi 2: Đây là câu hỏi nhằm giúp HS đánh giá về những nét độc đáo của bài thơ. Để trả lời câu hỏi này, HS phải đọc kĩ, nghĩ kĩ về bài thơ và nêu cảm nhận, đánh giá của mình. Lưu ý là HS không chỉ nêu đánh giá chung chung mà cần chứng minh, bảo vệ quan

điểm của mình bằng những dẫn chứng cụ thể là những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ trong tác phẩm. GV có thể chấp nhận những nhận xét và cách lí giải khác nhau, miễn là HS có lập luận hợp lí. Ngoài từ ngữ và hình ảnh, GV cần cho HS khai thác, tìm hiểu các biện pháp tu từ và ý nghĩa của chúng với bài thơ. Ở bài *Những cánh buồm*, có thể thấy biện pháp điệp từ, điệp ngữ (HS đã học ở lớp 5) là nổi bật, góp phần tạo nên nét độc đáo cho bài thơ.

Câu hỏi 3: Từ việc liệt kê và phân tích những hình ảnh, từ ngữ tạo nên nét độc đáo cho bài thơ ở trên, GV có thể yêu cầu HS nhận xét những từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện yếu tố miêu tả và nêu tác dụng của yếu tố miêu tả ấy. Với yếu tố tự sự, GV có thể bắt đầu bằng việc cho HS nhắc lại thể nào là tự sự. Từ đó, HS xác định bài thơ có yếu tố tự sự không và chỉ ra các dẫn chứng và tác dụng, ý nghĩa mà chúng mang lại cho bài thơ.

Câu hỏi 4: Đây là câu hỏi giúp HS tìm hiểu về chủ đề gia đình mà cụ thể ở bài thơ này là tình cha con. GV có thể bắt đầu với ý đầu tiên của câu hỏi để HS nhận xét và tìm những từ ngữ thể hiện tình cảm cha con. Sau đó hỏi tiếp về hai của câu hỏi để HS nêu suy nghĩ của mình về tình cảm gia đình, qua đó thể hiện cách nghĩ của cá nhân về điều được gợi ra từ bài thơ.

Câu hỏi 5: Câu hỏi này là sự tiếp nối câu hỏi 4. Qua cách thể hiện tình cha con trong bài thơ, HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết. Quan trọng là HS cần chỉ rõ sự thể hiện qua ngôn ngữ thơ cụ thể, tránh việc chỉ nhận xét một cách cảm tính, chung chung.

VĂN BẢN 2: MÂY VÀ SÓNG

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi Suy ngẫm và phân hồi

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phân hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phân hồi</i>
Nhận biết và bước đầu nhận xét được một số nét độc đáo của bài thơ;	1, 2, 3
Nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.	4
Nhận biết tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.	5
Yêu thương, quan tâm người thân trong gia đình.	6

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi để các em chia sẻ với bạn cảm xúc của mình về kỉ niệm chơi trò chơi với người thân. Nếu HS lúng túng chưa biết cách chia sẻ, GV có thể gợi ý bằng các câu hỏi như: Em thường chơi trò chơi với ai trong gia đình nhiều nhất? Ai là người em thích chơi nhất? Vì sao? Cảm xúc của em khi chơi với người đó thế nào?

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV có thể hướng dẫn HS phân tích cách đọc bài thơ này, sau đó cho một vài HS đọc trực tiếp VB trên lớp và tổ chức cho các HS khác nhận xét cách đọc.

Lưu ý đây là thơ dịch nên GV không nên nhấn mạnh các yếu tố vần nhịp mà chủ yếu hướng dẫn HS về giọng đọc sao cho thể hiện được tình cảm cũng như nét hồn nhiên của em bé trong bài thơ. Nếu HS chưa hiểu và đọc không tốt thì GV cũng chưa cần nhận xét chi tiết ngay mà nên để đến cuối bài thơ. Sau khi HS đã học và hiểu bài thơ thì GV có thể yêu cầu HS đọc lại và nhận xét.

Tiếp theo, GV triển khai phân dạy kĩ năng đọc, từ đó kiểm tra và hướng dẫn thêm về kĩ năng tưởng tượng, suy luận thông qua các câu hỏi trong khi đọc cho HS.

2.3. Suy ngẫm và phân hỏi

Câu hỏi 1: Tương tự ở bài *Những cánh bướm*, GV căn cứ vào tri thức đọc hiểu để hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi nhận biết đặc trưng hình thức của một bài thơ.

Câu hỏi 2 và 3: GV có thể bắt đầu bằng việc cho HS phác thảo nhanh sản phẩm của câu hỏi 3 trong khoảng 3 đến 5 phút. Sau đó, GV cho HS trao đổi sản phẩm với nhau và nhận xét. Cuối cùng, GV cho HS kẻ bảng (câu hỏi 2) vào vở và tự chuẩn bị phần trả lời của mình về ấn tượng chung về toàn bài thơ sau khi đã tìm hiểu xong với mục đích giúp HS hiểu khi tìm hiểu thể loại thơ thì việc phân tích các yếu tố từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ là rất quan trọng. Sau khi HS kẻ bảng vào vở và làm xong phần tự chuẩn bị của mình, GV có thể tổ chức cho các em trao đổi với bạn bên cạnh để bạn ghi ý kiến nhận xét vào cột cuối. GV quan sát và chọn một vài cặp trình bày trước lớp. Từ đó, GV nhận xét, nhấn mạnh đặc điểm từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ của bài thơ cũng là điều cần lưu ý khi đọc thể loại này.

Câu hỏi 4: Dựa vào kết quả của hoạt động ở câu hỏi 2 và 3, GV có thể tiếp tục cho HS trao đổi, nhận diện yếu tố miêu tả và tự sự trong bài thơ và nêu tác dụng của yếu tố này.

Câu hỏi 5: Câu hỏi này là sự tiếp nối câu hỏi 2, 3, 4 ở trên. Qua cách thể hiện tình mẹ con trong bài thơ, HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết. GV hướng dẫn để HS chỉ rõ sự thể hiện qua dẫn chứng cụ thể, tránh việc chỉ nhận xét một cách cảm tính, chung chung.

Câu hỏi 6: Đây là câu hỏi hướng dẫn HS tìm hiểu bài thơ dưới góc độ chủ điểm gia đình mà cụ thể ở bài thơ này là tình mẹ con. GV có thể bắt đầu với ý đầu tiên của câu hỏi để HS nhận xét cách thể hiện tình cảm con với mẹ rất độc đáo của bài thơ. Sau đó hỏi tiếp về hai của câu hỏi để HS nêu suy nghĩ của mình về tình cảm gia đình, qua đó thể hiện cách nghĩ của cá nhân về điều được gợi ra từ bài thơ.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: CHỊ SẼ GỌI EM BẰNG TÊN

1. Yêu cầu cần đạt

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung câu chuyện.
- Liên hệ, kết nối với VB *Những cánh bướm*, *Mây và Sóng* để hiểu hơn về chủ điểm *Gia đình yêu thương*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

GV có thể cho HS trao đổi ngắn về tình cảm anh chị em, cũng là một tình cảm gia đình quan trọng bằng một vài câu hỏi gợi ý như: Em có anh, chị, em không? Tình cảm giữa em và anh, chị, em của mình thế nào? Anh, chị, em trong gia đình thường thể hiện sự quan tâm nhau bằng những cách nào?

Sau đó GV tổ chức cho HS đọc VB theo nhóm (khoảng 4 HS/nhóm), mỗi em trong nhóm đọc một đoạn. GV đến một vài nhóm đọc cùng HS. Lưu ý HS cách đọc sao cho biểu cảm, thể hiện được diễn biến tình cảm của các nhân vật trong truyện.

Sau khi HS đọc VB, GV có thể tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm để trả lời 4 câu hỏi trong sách. GV chọn một vài nhóm trình bày tóm tắt kết quả thảo luận trước lớp. GV nên có câu hỏi hướng dẫn (dựa trên 4 câu hỏi trong SGK) để định hướng HS trình bày trọng tâm. Từ đó, GV hướng cho HS chốt vấn đề. Lưu ý: quan trọng nhất là hướng cho HS trả lời câu hỏi 4 để các em học cách cư xử với người thân trong gia đình. Theo đó, việc lắng nghe, quan tâm lẫn nhau bằng những cử chỉ nhỏ nhất (như việc người chị hỏi và lắng nghe người em giải bày) là rất quan trọng để gia đình gắn kết, hiểu và yêu thương nhau.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được từ đa nghĩa, từ đồng âm và phân tích được tác dụng của chúng.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

Xem lại hướng dẫn ở mục *Tri thức tiếng Việt*, phần hướng dẫn *Tim hiểu Tri thức Ngữ văn*.

3. Thực hành tiếng Việt

Ở phần này, GV hướng dẫn cho HS thực hành nhận diện và giải thích được từ đa nghĩa và từ đồng âm. Đồng thời, GV tổ chức cho HS bước đầu nhận xét được tác dụng

của từ đồng âm trong việc tạo ra những cách nói độc đáo, thú vị. GV có thể cho HS làm việc cá nhân, dựa trên kiến thức về từ đa nghĩa và từ đồng âm đã học ở trên để tự làm một số bài tập, sau đó trao đổi kết quả với bạn bên cạnh. Để thay đổi không khí, GV nên cho HS làm việc theo nhóm đôi để thực hiện các bài tập còn lại. Cứ mỗi 2 đến 3 bài thì GV tổ chức cho một nhóm trình bày kết quả, các nhóm còn lại bổ sung, nhận xét. Sau khi chốt xong kết quả, GV yêu cầu các nhóm tự nhận xét về bài của nhóm mình, tự rút ra những kinh nghiệm để có thể tự giải quyết những trường hợp tương tự.

Định hướng trả lời:

Bài tập 1: Đây là hai từ đồng âm.

Bài tập 2: Đây là một từ đa nghĩa.

Bài tập 3: Ví dụ: chân (chân bàn, chân giường); lưng (lưng ghế, lưng tủ),...

Bài tập 4: Điềm thú vị là tác giả dân gian đã dựa vào hiện tượng đồng âm (chín) để tạo nên nét độc đáo cho câu đố này.

Bài tập 6: Biện pháp tu từ điệp ngữ:

... *thấy nước thấy trời*
Không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người ở đó?

...
Sẽ có cây, có cửa, có nhà

Tác dụng: Làm tăng giá trị biểu cảm cho thấy sự mênh mông của trời nước, của đất nước quê hương.

Bài tập 7: Trước hết, GV có thể dùng câu hỏi gợi mở để hướng dẫn HS nhận diện và liệt kê các từ láy trong bài thơ. Tuy nhiên, quan trọng nhất là GV cần hướng dẫn để HS nhận ra tác dụng của việc sử dụng các từ láy này trong bài thơ.

VIẾT NGẮN

Tùy theo điều kiện thời gian, GV có thể cho viết ngắn thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.

GV hướng dẫn HS tự viết cá nhân, vận dụng hiểu biết của mình về bài thơ và từ đa nghĩa đã học vào đoạn viết ngắn. Sau khi viết xong, HS chỉ ra từ đa nghĩa đã sử dụng và lí giải.

GV cần tổ chức nhận xét, đánh giá một vài sản phẩm tiêu biểu trên lớp (có thể ngay sau khi học tiếng Việt hoặc ở đầu tiết học Viết hoặc trong tiết Ôn tập). Cách thức có thể là tổ chức cho HS chia sẻ, trao đổi đoạn viết với bạn bên cạnh, sau đó, GV chọn một hai bài đọc lên trước toàn lớp và tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá, sửa chữa một vài sản phẩm tiêu biểu.

GV cần nhắc nhở HS lưu giữ sản phẩm trong hồ sơ học tập của cá nhân. Nếu lớp học có chỗ trưng bày, GV có thể chọn một số bài tốt cho trưng bày.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: CON LÀ ...

1. Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được một số nét độc đáo của bài thơ: nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.
- Nhận biết tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.

2. Thực hành đọc

GV có thể cho HS đọc ở nhà, hoàn thành phần câu hỏi hướng dẫn đọc trong SGK. Khi đến lớp, GV tổ chức cho HS trao đổi, trình bày kết quả đọc với các bạn khác trong nhóm nhỏ. Sau đó, GV chọn một vài nhóm và tổ chức cho chia sẻ toàn lớp. Thông qua kết quả đọc của HS, GV định hướng, giúp HS ôn lại những đặc điểm của thơ. Hoạt động hướng dẫn đọc mở rộng có thể được thực hiện vào cuối bài học, kết hợp với hoạt động ôn tập.

VIẾT

1. Yêu cầu cần đạt

- Biết viết đoạn văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- Viết được một đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

Vi kiểu bài này khá gần với kiểu bài viết đoạn văn để ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát mà HS đã học ở bài *Vẻ đẹp quê hương* ở học kì I nên GV có thể yêu cầu HS nhớ lại bài cũ kết hợp với kiến thức về thể loại thơ vừa được học ở phần đọc để thảo luận, điền vào bảng sau:

Đặc điểm kiểu đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ

	Hình thức	Nội dung
Đặc điểm		

3. Phân tích kiểu văn bản

GV hướng dẫn HS thảo luận, phân tích VB minh họa:

- Nhận biết cấu trúc của đoạn, chức năng của ba phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.
- Quan sát, phân tích VB minh họa và trả lời các câu hỏi để nhận ra vai trò của các câu trong phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn, những từ ngữ thể hiện cảm xúc của tác giả và các dẫn chứng.

4. Viết theo quy trình

4.1. Giao đề bài

GV nên giao cho HS về nhà chọn bài thơ mà HS yêu thích trước (bước 1). Lưu ý HS trước khi viết, em cần trả lời các câu hỏi: VB này được viết nhằm mục đích gì? Người đọc có thể là ai? Việc trả lời hai câu hỏi trên sẽ giúp em định hướng được nội dung bài viết, cách viết, tăng hiệu quả giao tiếp của bài viết.

4.2. Hướng dẫn HS quy trình tạo lập VB

GV có thể yêu cầu HS nhớ lại quy trình tạo lập đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ lục bát mà các em đã học ở bài *Về đẹp quê hương*. Dựa trên kinh nghiệm đó, GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng, thông tin, sắp xếp ý tưởng cho phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn để làm dàn ý. Sau đó, HS trao đổi dàn ý với bạn để góp ý cho nhau.

Tiếp theo, GV hướng dẫn HS dựa trên dàn ý để viết đoạn văn và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn của mình, sau đó đổi bài với bạn kể bên để tiếp tục chỉnh sửa. GV cũng có thể hướng dẫn HS sử dụng những câu hỏi gợi ý sau để tự đánh giá lại những gì mình đã học được sau bài học này:

– Em có cảm thấy hài lòng với cách mà em đã thể hiện cảm xúc của mình về bài thơ ấy không? Vì sao?

– Nếu được viết lại đoạn văn này, em sẽ điều chỉnh như thế nào để đoạn văn trở nên tốt hơn?

NÓI VÀ NGHE

1. Yêu cầu cần đạt

Biết tham gia thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.

2. Thực hành nói và nghe

2.1. Khởi động

HS đã học về cách tham gia thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất ở bài *Lắng nghe lịch sử nước mình* ở học kì I. Do vậy, ở bài này GV chỉ tổ chức cho HS ôn lại kinh nghiệm và cho HS thực hành thêm.

GV có thể cho HS ôn lại cách thức tham gia thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất bằng kĩ thuật KWL. GV có thể yêu cầu HS ghi các phần sau vào vở và điền thông tin trước.

K: Những điều em đã biết về cách tham gia thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất (qua bài *Lắng nghe lịch sử nước mình* đã học):

W: Những điều em muốn biết thêm, nhắc lại để làm tốt bài tập tham gia thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất:

2.2. Hướng dẫn HS thực hành

GV dựa vào phần hướng dẫn trong SGK để hướng dẫn HS chuẩn bị và thảo luận.

ÔN TẬP

Trước khi tổ chức ôn tập tại lớp, GV cần hướng dẫn HS đọc lại các VB và tự làm các bài tập trong mục *Ôn tập* trước ở nhà. Trong quá trình làm, HS cần ghi lại những thắc mắc, khó khăn để trao đổi tại lớp trong giờ ôn tập. Nếu GV chưa dạy phần đọc mở rộng theo thể loại và dự kiến dạy ngay trước phần ôn tập thì GV tổ chức dạy phần này rồi hướng dẫn HS về làm các bài tập phần ôn tập.

Trong tiết ôn tập trên lớp, GV có thể tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá một vài sản phẩm viết ngắn tiêu biểu ở đầu tiết ôn tập này nếu chưa thực hiện ở những giờ khác. Sau đó, GV có thể tổ chức cho HS hợp tác làm việc theo nhóm từ 4 đến 6 HS trong khoảng 10 phút để các em trao đổi, chia sẻ nội dung đã chuẩn bị ở nhà cho các bài tập 1, 2, 3. Sau đó, GV có thể mời lần lượt vài nhóm chia sẻ với cả lớp. Để có nhiều nhóm tham gia chia sẻ, GV có thể mời một nhóm chia sẻ về nội dung bài tập 1, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Tương tự, GV mời một nhóm khác chia sẻ về bài tập 2 và một nhóm khác chia sẻ về bài tập 3. Trong quá trình HS chia sẻ, GV cần có câu hỏi để hỗ trợ, giúp HS đi đúng hướng. GV cần chuẩn bị trước các câu trả lời cho các bài tập. Nếu HS trả lời không hoàn toàn giống phần GV đã chuẩn bị nhưng hợp lý thì GV cần chấp nhận vì VB văn học vốn đa nghĩa và người đọc có thể đồng sáng tạo.

Bài tập 1: Hướng dẫn HS nhận biết ba bài đều nói về tình cảm gia đình (tình cảm cha con, mẹ con) và đều thể hiện tình yêu thương tha thiết giữa những người thân trong gia đình thông qua cách dùng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. Tuy nhiên, mỗi bài có những nét độc đáo riêng về cách dùng từ, hình ảnh, biện pháp tu từ. Cách sử dụng kết hợp yếu tố miêu tả và tự sự trong các bài thơ cũng góp phần tạo nên nét độc đáo cho các bài thơ này.

Bài tập 2: Hướng dẫn HS tập trung vào từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ, các yếu tố miêu tả và tự sự là những yếu tố hình thức mà chúng ta cần chú ý khi đọc thơ. Về nội dung, có thể thấy các bài thơ đều thể hiện tình cảm yêu thương, gắn bó của những người trong gia đình nhưng ý nghĩa này không thể hiện trực tiếp. Trong các bài thơ các nhân vật không nói yêu thương nhau thế nào mà điều đó được gợi ra qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... Qua đó, các tác giả thể hiện tình cảm, thái độ của mình. Vì vậy, khi đọc, HS phải hình dung, tưởng tượng, liên hệ, suy luận,... thì mới hiểu hết được ý nghĩa của bài thơ. Bài tập 3 giúp HS có cơ hội chia sẻ những điều các em học được từ các VB đã học. GV có thể khơi gợi để HS chia sẻ về tình yêu thương gia đình, cách cư xử giữa những người thân trong gia đình,...

Bài tập 4: Giúp HS ôn tập về kỹ năng viết đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ. Với bài tập 4, GV có thể hỏi để vài HS trả lời dựa trên phần các em đã chuẩn bị và GV

chốt trên bảng. Riêng bài tập 5 là bài tập để HS ôn lại kỹ năng tham gia thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất. GV có thể dùng phương pháp đàm thoại phát vấn để các HS chia sẻ kinh nghiệm học được của mình qua bài học. Nếu có thời gian nhiều hơn, GV cũng có thể cho HS chia sẻ trước theo cặp hay nhóm nhỏ trước khi mời vài nhóm chia sẻ trước lớp. Nếu HS chưa hiểu phải rút ra kinh nghiệm thế nào, GV có thể đặt câu hỏi hoặc gợi ý các kinh nghiệm rút ra có thể là về nội dung trình bày, về cách trình bày, về sự chuẩn bị, về các bước thực hiện,...

Cuối cùng, GV nên nhắc lại câu hỏi lớn ở đầu bài học và cho HS vài phút suy ngẫm rồi chia sẻ trước lớp. Dựa trên các chia sẻ của HS, GV nhấn mạnh ý nghĩa của gia đình trong cuộc sống của mỗi cá nhân.

BÀI 8: NHỮNG GÓC NHÌN CUỘC SỐNG (12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 6 tiết; Viết: 3 tiết;

Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.
- Tóm tắt được các nội dung chính trong văn bản nghị luận có nhiều đoạn; nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với bản thân.
- Nhận biết được từ mượn, trình bày cách sử dụng từ mượn.
- Nhận biết nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và từ có yếu tố Hán Việt.
- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề, hiện tượng trong đời sống.
- Bồi dưỡng lòng nhân ái qua việc thấu hiểu, tôn trọng góc nhìn của mọi người.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

– Phương pháp thuyết trình và phương pháp đàm thoại gợi mở: GV sử dụng để giúp HS hình thành tri thức Ngữ văn.

– Phương pháp làm mẫu: GV sử dụng để minh họa các kĩ thuật đọc, làm mẫu trong các hoạt động viết, nói và nghe. GV có thể sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ (think-alouds) để giúp HS hình dung về các kĩ năng đọc.

– Phương pháp hợp tác: hướng dẫn HS thảo luận nhóm nhỏ, thảo luận nhóm đôi (think-pair-share) để trả lời các câu hỏi ở phần Đọc (*chuẩn bị đọc, suy ngẫm và phản hồi*).

– Phương pháp đóng vai: GV có thể tổ chức buổi tọa đàm, buổi tranh luận, cho HS đóng vai để trình bày bài viết hoặc thực hành nói và nghe.

2. Phương tiện dạy học

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to.
- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (trước khi đọc, sau khi đọc) trong SGK thành phiếu học tập.
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể giới thiệu chủ điểm bài học qua những gợi ý sau:

Cách 1: GV chuẩn bị một ống kính vạn hoa, sau đó mời 2, 3 HS lên xem thử ống kính vạn hoa. GV yêu cầu HS chia sẻ trải nghiệm việc nhìn thấy gì qua ống kính vạn hoa, nhất là những lúc xoay góc ống kính. Từ đó, GV đặt câu hỏi khơi gợi HS nhận xét về việc thay đổi những góc nhìn trong cuộc sống.

Cách 2: GV dùng giấy kính màu, làm một số mắt kính có màu khác nhau. Sau đó, GV mời HS lên trải nghiệm nhìn qua từng mắt kính có màu khác nhau. GV mời HS chia sẻ trải nghiệm những gì mình nhìn thấy được qua mỗi mắt kính, từ đó, GV đặt câu hỏi khơi gợi HS nhận xét về việc thay đổi những góc nhìn trong cuộc sống.

Cách 3: GV có thể cho HS xem một bức tranh ảo ảnh thị giác (optical illusion picture). Ví dụ như bức tranh thỏ và vịt. Với bức tranh này, một số người khi nhìn vào sẽ thấy hình con thỏ, một số khác lại nhìn thấy con vịt. Qua trải nghiệm hiệu ứng này, GV mời HS nhận xét về những góc nhìn khác nhau trong cuộc sống.



Thỏ hay vịt?



Bà lão hay thiếu nữ?

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Tri thức đọc hiểu

Tri thức đọc hiểu sẽ được dạy trong tiết dạy VB *Học thầy, học bạn*. Ở đây, GV cần giúp HS hiểu được khái niệm văn nghị luận và các yếu tố cơ bản của văn nghị luận.

Có thể sử dụng sơ đồ *Các yếu tố cơ bản trong VB nghị luận* trong SGK để giúp HS hình thành tri thức đọc hiểu.

2. Tri thức tiếng Việt

Riêng nội dung tri thức tiếng Việt, GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi học đọc văn bản 1, 2 và 3 để tạo thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC

1. Kĩ năng đọc văn nghị luận

Mục tiêu chính về việc dạy kĩ năng đọc theo thể loại của chủ điểm này là kĩ năng đọc thể loại văn nghị luận. Khi đọc VB nghị luận, GV cần lưu ý HS một số điểm như sau:

- Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.
- Trình bày được mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ.
- Tóm tắt văn bản nghị luận để nắm ý chính của văn bản.
- Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản với bản thân.

2. Kĩ năng suy luận

Kĩ năng đọc chủ yếu trong bài này là kĩ năng suy luận. GV gợi nhắc HS nhớ lại cách suy luận đã được học trong bài *Những trải nghiệm trong đời*.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: HỌC THẦY, HỌC BẠN

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.	1, 2, 3

Tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn.	5
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	4, 6

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Hoạt động khởi động trong hoạt động đọc nhằm mục đích khơi dậy kiến thức nền của HS về vai trò của hai cách học: học từ thầy, học từ bạn bè. Đây là kiến thức thực tế cần có để HS có thể đọc – hiểu VB *Học thầy, học bạn*.

GV có thể sử dụng kỹ thuật nhóm đôi (think – pair – share) để tổ chức cho HS trao đổi ý kiến. Sau đó, GV gợi dẫn vào phần đọc VB.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV hướng dẫn HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi suy luận. GV có thể mời HS đọc thành tiếng, hoặc để HS đọc thầm. Khi hướng dẫn HS đọc thành tiếng, GV chú ý HS về ngữ điệu đọc cho phù hợp với văn nghị luận.

2.3. Suy ngẫm và phân hỏi

Trọng tâm của hệ thống câu hỏi này là hướng dẫn HS nhận biết được những yếu tố quan trọng của văn nghị luận: ý kiến, lí lẽ, bằng chứng; biết tóm tắt một VB nghị luận, từ đó giúp HS nhận ra “những góc nhìn cuộc sống” thông qua việc nhìn nhận về hai hiện tượng tương chùng như đối lập với nhau.

GV có thể hướng dẫn HS đọc và trả lời các câu hỏi này tại lớp. Hoặc GV có thể thiết kế hệ thống phiếu học tập, sau đó giao việc cho HS chuẩn bị trước các câu hỏi này theo nhóm ở nhà. Như vậy, khi đến lớp, GV yêu cầu HS trình bày kết quả chuẩn bị của mình, và đi sâu vào giải đáp những câu hỏi mà HS gặp khó khăn khi thực hiện ở nhà.

Câu hỏi 1, 2, 3 nhằm giúp HS nhận biết ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong VB. Cần hướng dẫn HS đọc quét để tìm ý. GV có thể sử dụng kỹ thuật think-alouds (nói to ra những suy nghĩ trong đầu) để làm mẫu cho HS cách đọc quét. Chẳng hạn: Ý kiến tác giả đưa ra nằm ở câu... Vậy thì các lí lẽ, bằng chứng để củng cố luận điểm ấy sẽ nằm từ khoảng... đến... Các lí lẽ, bằng chứng ấy là...

Câu hỏi 4: Câu hỏi này nhằm mục đích giúp HS giải nghĩa một hình ảnh so sánh ở trong VB, từ đó nhận ra được mối tương quan giữa các ý kiến được nêu trong VB. Các hình ảnh so sánh đó là: so sánh “vai trò của người thầy” với “ngọn hải đăng soi đường, chỉ lối”, so sánh “bạn” với “người đồng hành quan trọng”. Qua phép so sánh này, ta có thể nhận ra vai trò định hướng của người thầy và vai trò đồng hành, cộng tác của bạn bè trong quá trình lĩnh hội tri thức của mỗi người.

Câu hỏi 5: Mục đích của câu hỏi này nhằm giúp HS biết cách tóm tắt VB nghị luận. GV dựa vào sơ đồ trong SGK để hướng dẫn HS hệ thống lại các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB. Từ sơ đồ đó, GV hướng dẫn HS viết đoạn văn tóm tắt VB nghị luận.

Câu hỏi 6: Đây là câu hỏi giúp HS liên hệ nội dung trong VB với thực tế của bản thân. GV có thể sử dụng một số kĩ thuật thảo luận nhóm như là: kĩ thuật thảo luận nhóm đôi, kĩ thuật tia chớp, kĩ thuật động não,... để hướng dẫn HS chia sẻ ý kiến.

VĂN BẢN 2: BÀN VỀ NHÂN VẬT THÁNH GIÓNG

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Mục tiêu dạy học	Hệ thống câu hỏi <i>suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.	1, 2, 3
Tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn.	4
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	5

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Do đây là một VB nghị luận văn học về một nhân vật trong truyền thuyết HS đã đọc, cho nên cần có hoạt động kích hoạt kiến thức nền của HS về nhân vật Thánh Gióng. Hoạt động trong phần *Chuẩn bị đọc* được thiết kế nhằm mục đích ấy; đồng thời, thông qua việc trao đổi ý kiến về nhân vật Thánh Gióng, HS bước đầu nhận ra vấn đề về góc nhìn đối với một VB văn học. Ở phần này, GV có thể tổ chức cho HS trình bày ý kiến nhanh dưới dạng trao đổi nhóm đôi (kĩ thuật think-pair-share).

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV tham khảo cách dạy ở VB 1.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

Trọng tâm của hệ thống câu hỏi này là hướng dẫn HS nhận biết được những yếu tố quan trọng của văn nghị luận: ý kiến, lí lẽ, bằng chứng; từ đó biết tóm tắt một VB nghị

luận, từ đó giúp HS nhận ra “những góc nhìn cuộc sống” thông qua việc nhận biết những ý kiến khác nhau về cùng một hiện tượng văn học.

GV tham khảo cách tổ chức hoạt động của VB1.

Câu hỏi 1, 2 và 3 nhằm giúp HS nhận biết ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được nêu trong VB. GV hướng dẫn HS đọc quét để tìm các nội dung trên.

Câu hỏi 4 nhằm hướng dẫn HS tóm tắt VB nghị luận. GV có thể hướng dẫn HS hệ thống các ý của VB bằng sơ đồ, sau đó viết đoạn văn tóm tắt VB nghị luận.

Câu hỏi 5 là câu hỏi giúp HS liên hệ những gì đã đọc với thực tế của bản thân. Thực tế trong cuộc sống, có nhiều cách hiểu đối với các hiện tượng văn học (như nhân vật, VB, chi tiết), và nhờ đó chúng ta có thể hiểu sâu sắc hơn VB thông qua những ý nghĩa khác nhau. Để giúp HS nhận ra điều này, GV có thể hướng dẫn HS so sánh, đối chiếu những ý kiến tác giả nêu ra trong VB với những ý kiến của bản thân và các bạn trong lớp đã nêu trong hoạt động *Chuẩn bị đọc*, từ đó đi đến kết luận có nhiều ý kiến hợp lí khác nhau về cùng một nhân vật, và các ý kiến ấy góp phần làm cho ý nghĩa VB thêm phong phú.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: GÓC NHÌN

1. Mục tiêu dạy học

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung văn bản.
- Liên hệ, kết nối với VB *Học thầy, học bạn* và *Bàn về nhân vật Thánh Gióng* để hiểu hơn về chủ điểm *Những góc nhìn cuộc sống*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể cho HS dựa vào nhan đề, hình minh hoạ để dự đoán nội dung văn bản.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV tổ chức cho HS đọc văn bản.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

Cách tổ chức hoạt động đọc tương tự như hai bài đọc trên.

Câu hỏi 1: Lời khuyên của người hầu trong câu chuyện mang đến lợi ích: (1) Thay đổi ý kiến của vua, giúp tránh được việc tiêu tốn ngân khố một cách vô lí; (2) Góp phần phát minh ra đôi giày đầu tiên trong lịch sử.

Câu hỏi 2: Có hai nguyên nhân chính dẫn đến những cách nhìn khác nhau. Do địa vị xã hội: Vị vua có quyền lực, đã quen sống xa hoa nên dễ dàng đưa ra mệnh lệnh vô lí để thoả mãn mình. Ngược lại, người hầu xuất thân từ tầng lớp dân nghèo, nên có cân nhắc, tính toán kĩ lưỡng để tránh gây lãng phí một cách vô ích. Do tâm trạng: Nhà vua ra lệnh

trong tâm trạng bức tức; trong khi người hầu đưa ra ý kiến của mình trong trạng thái tinh thần sáng suốt, tiếp theo, GV chốt ý: Trong cuộc sống, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến góc nhìn của chúng ta. Từ đó, GV khơi gợi để HS nêu ý kiến về việc làm thế nào có được góc nhìn hợp lý, sáng suốt.

Câu hỏi 3: Thông điệp của văn bản: khi ta thay đổi góc nhìn, ta sẽ có được những giải pháp hiệu quả, hợp lý, và có được những sáng tạo không ngờ.

Câu hỏi 4: GV nên cho HS thảo luận, trình bày các quan điểm khác nhau để HS nhận ra rằng cuộc sống vốn đa dạng, nhiều chiều, ta cần biết lắng nghe, tiếp thu những ý kiến đúng đắn, phản biện những ý kiến chưa hợp lý, nhưng đồng thời cũng phải có chính kiến, biết trình bày, bảo vệ góc nhìn của mình. Nội dung này sẽ giúp HS kết nối với phần Viết, Nói và nghe.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được từ mượn, trình bày cách sử dụng từ mượn.
- Nhận biết nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và từ có yếu tố Hán Việt.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

GV dựa vào phần *Tri thức tiếng Việt* để hình thành cho HS kiến thức về từ mượn, yếu tố Hán Việt. Giáo viên mời HS đọc phần *Tri thức tiếng Việt* trong SGK, sau đó diễn giảng, nêu ví dụ để giúp HS hình thành tri thức.

3. Thực hành tiếng Việt

Bài tập 1: Từ mượn tiếng Hán: nhân loại, thế giới, nhận thức, cộng đồng, cô đơn, nghịch lý, mê cung. Từ mượn gốc ngôn ngữ khác: video, xích lô, a-xít, ba-zơ.

Bài tập 2: Khi các hiện tượng như email, video, internet được phát minh, tiếng Việt chưa có từ vựng để biểu đạt những hiện tượng này. Do đó, chúng ta mượn các từ này để phục vụ cho giao tiếp, qua đó làm giàu có, phong phú thêm vốn từ vựng tiếng Việt.

Bài tập 3: Người cán bộ hưu trí không thể hiểu được những điều nhân viên lễ tân nói vì nhân viên lễ tân đã lạm dụng từ mượn trong giao tiếp. Bài học rút ra là khi giao tiếp, cần tránh lạm dụng từ mượn. Chúng ta chỉ nên dùng từ mượn khi không có từ tiếng Việt tương đương để biểu đạt.

Bài tập 4: GV hướng dẫn HS đoán nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh. Sau đó GV có thể hướng dẫn HS tra từ điển để xác nhận lại ý nghĩa của những từ ấy.

Bài tập 5: GV hướng dẫn HS tìm từ ghép có yếu tố Hán Việt trong bảng, sau đó hướng dẫn HS giải nghĩa một số từ tiêu biểu. Những từ còn lại, có thể giao HS về nhà giải nghĩa, dựa vào cách làm đã được GV hướng dẫn ở bài tập 4.

Bài tập 6: GV hướng dẫn HS đặt câu có từ Hán Việt tìm được ở bài tập 5. Cần lưu ý HS gạch chân từ Hán Việt trong câu.

Bài tập 7: GV hướng dẫn HS phân biệt nghĩa của những yếu tố Hán Việt đồng âm dựa vào gợi ý sau:

a. *thiên* trong *thiên vị*: nghiêng, lệch; *thiên* trong *thiên văn*: trời; *thiên* trong *thiên niên kỉ*: một nghìn.

b. *hoa* trong *tai hoa*: điều không may xảy tới; *hoa* trong *hội hoa*: nghệ thuật tạo hình, dùng màu sắc, đường nét để mô tả sự vật, hình tượng; *hoa* trong *xướng hoa*: hát hoà theo.

c. *đạo* trong *lãnh đạo*: chỉ đạo; *đạo* trong *đạo tặc*: ăn trộm, ăn cắp; *đạo* trong *địa đạo*: con đường.

VIẾT NGẮN

Hoạt động viết ngắn có vai trò kết nối kĩ năng đọc với viết. GV có thể hướng dẫn HS các kĩ thuật động não (thảo luận nhóm đôi, sử dụng tờ ghi chú, viết tự do, ...) để tìm ý. Cần lưu ý HS về yêu cầu tiếng Việt: “Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai từ Hán Việt”, hướng dẫn HS xác định và ghi chú lại những từ Hán Việt đã sử dụng trong đoạn văn.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: PHẢI CHĂNG CHỈ CÓ NGỌT NGÀO MỚI LÀM NÊN HẠNH PHÚC?

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

2. Thực hành đọc

Dựa vào hai VB nghị luận đã đọc, GV hướng dẫn HS vận dụng cách đọc văn nghị luận để đọc VB này. HS thực hành đọc VB ở nhà, dựa vào sơ đồ hướng dẫn trong SGK.

VIẾT

1. Mục tiêu dạy học

- Biết viết VB đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- Bước đầu viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

GV kết nối với bài đọc *Học thầy, học bạn* để dạy HS tri thức về kiểu bài *trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống*. GV trình bày các đặc điểm của kiểu bài vào bảng phụ (theo gợi ý sau) và hướng dẫn HS nhớ lại những gì đã học trong bài đọc *Học thầy, học bạn*. Từ đó, GV dẫn dắt vào bài.

Bố cục	Đặc điểm	Học thầy, học bạn
Mở bài	Mở bài phải giới thiệu được vấn đề người viết quan tâm và thể hiện rõ ràng ý kiến của người viết về hiện tượng ấy.	
Thân bài	Thân bài phải đưa ra được ít nhất hai lí lẽ cụ thể để lí giải cho ý kiến của người viết.	
	Các lí lẽ được sắp xếp theo trình tự hợp lí. Người viết sử dụng hợp lí các từ ngữ có chức năng chuyển ý: bên cạnh đó, hơn nữa, mặt khác, quan trọng hơn...	
	Người viết đưa ra được bằng chứng thuyết phục để củng cố cho lí lẽ.	
Kết bài	Kết bài khẳng định lại vấn đề và đưa ra những đề xuất của người viết.	

3. Phân tích kiểu văn bản

GV cho HS lần lượt đọc, quan sát kĩ những dấu hiệu trên từng đoạn VB (được thể hiện bằng các con số), dừng lại sau mỗi đoạn để nhận ra đặc điểm của kiểu VB.

Sau đó, cho HS thảo luận, trả lời các câu hỏi sau VB mẫu để tiếp tục hiểu rõ đặc điểm của kiểu bài.

4. Viết theo quy trình

GV xem lại phần hướng dẫn quy trình viết trong bài *Những trải nghiệm trong đời*.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

GV có thể sử dụng phương pháp phát vấn và đàm thoại để hướng dẫn HS trả lời những câu hỏi sau: VB này viết nhằm mục đích gì? Người đọc bài viết này có thể là ai?

GV sử dụng kĩ thuật động não bằng giấy ghi chú để giúp HS có ý tưởng về các đề tài có thể viết. Cách làm như sau:

– Chia lớp ra làm 3 nhóm. Lần lượt mỗi nhóm sẽ tìm các hiện tượng đáng quan tâm trong phạm vi gia đình, nhà trường, xã hội. GV chia bảng thành 3 cột: “Các hiện tượng trong gia đình”, “Các hiện tượng trong nhà trường”, “Các hiện tượng trong xã hội”.

– Phát cho mỗi HS một tờ giấy ghi chú. Trong thời gian 3 phút, mỗi HS sẽ ghi lên tờ giấy ghi chú của mình một hiện tượng mình quan tâm, sau đó mang lên bảng và dán vào cột tương ứng với nhóm mình.

– Sau khi HS dán xong, GV đọc các tờ ghi chú dán trên bảng. Những ý tưởng nào trùng nhau thì chỉ giữ lại một tờ giấy ghi chú.

Sau đó, GV nhận xét các ý kiến của HS, và lưu ý HS: bài viết sẽ được đánh giá cao hơn khi bàn về những hiện tượng gây tranh luận, đang có những ý kiến trái chiều. GV chỉ ra những ý kiến nào của HS đáp ứng tiêu chí này. Hoặc GV cũng có thể hướng dẫn HS những góc nhìn còn đang tranh cãi về cùng một hiện tượng.

Những ý tưởng đã được huy động sẽ là gợi ý để HS có thể lựa chọn về nhà tự triển khai bài viết của riêng mình.

Thu thập tư liệu

GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng, thông tin xung quanh hiện tượng HS đã chọn để viết. GV có thể phát cho HS một phiếu học tập để HS tìm thông tin theo gợi ý như sau:

STT	Tên bài viết, tác giả	Ý kiến của tác giả	Lí lẽ, bằng chứng đáng lưu ý	Ý kiến của tôi về vấn đề trong bài viết
1
2

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

GV hướng dẫn HS tìm ý dựa vào sơ đồ trong SGK.



Lập dàn ý

GV có thể hướng dẫn HS lập dàn ý dựa vào bảng sau:

MỞ BÀI	– Hiện tượng tôi quan tâm: – Ý kiến của tôi về hiện tượng:
THÂN BÀI	– Lí lẽ 1: – Bằng chứng 1: – Lí lẽ 2: – Bằng chứng 2: – Trao đổi với ý kiến trái chiều (nếu có):
KẾT BÀI	– Khẳng định lại vấn đề: – Giải pháp của tôi:

Bước 3: Viết bài

Cho HS viết tại lớp hoặc viết ở nhà tùy vào phân bổ thời gian của GV cho hoạt động Viết.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Bước này có thể thực hiện qua các hoạt động:

– Hướng dẫn HS dùng *Bảng kiểm bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống* để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân (thực hiện ở nhà).

– Tổ chức cho 2 HS trao đổi bài, tiếp tục dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau. Khuyến khích HS về nhà tiếp tục điều chỉnh bài viết.

– Cuối cùng, cho HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và từ những gì học hỏi được từ bạn về cách kể lại trải nghiệm của bản thân.

NÓI VÀ NGHE

1. Yêu cầu cần đạt

Trình bày được ý kiến về một vấn đề, hiện tượng trong đời sống.

2. Thực hành nói và nghe

2.1. Khởi động

GV giới thiệu ngắn gọn cho HS hiểu tầm quan trọng của việc trình bày ý kiến về một vấn đề trong cuộc sống. GV có thể đưa ra một số tình huống thực tế trong đời sống mà cần đến kĩ năng trình bày ý kiến: ứng cử chức lớp trưởng; đóng góp ý kiến cho hội trại của lớp; đóng góp ý kiến để giúp trường thay đổi; ...

2.2. Hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói

GV có thể hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói dựa trên phiếu học tập sau:

CHUẨN BỊ BÀI NÓI TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ, HIỆN TƯỢNG TRONG ĐỜI SỐNG

Vấn đề, hiện tượng tôi sẽ trình bày:

Ý kiến của tôi:

Bước 1: Xác định đề tài, không gian và thời gian nói

Yếu tố	Dự kiến của tôi	Cách thức trình bày phù hợp
Mục đích bài nói		
Người nghe		
Thời gian		
Không gian		

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Những phương tiện phi ngôn ngữ tôi sẽ sử dụng để tăng sức thuyết phục cho bài nói:

.....
.....
.....

Dự kiến các ý kiến phản biện và chuẩn bị phần phản hồi

STT	Dự kiến ý kiến phản biện của người nghe	Phản hồi của tôi
1		
2		
3		

Lập dàn ý bài nói dựa vào sơ đồ sau:



Bước 3: Luyện tập và trình bày

Những cách trình bày hấp dẫn:

.....
.....
.....

Dự kiến phần mở đầu:

.....
.....
.....

Dự kiến phần kết:

.....
.....
.....

2.3. Tổ chức cho HS thực hành nói – nghe

GV chọn HS trình bày bài nói (GV có thể để HS tự nguyện xung phong hoặc tổ chức bốc thăm, trò chơi “con số ngẫu nhiên” để chọn HS trình bày,...).

Khi tổ chức cho HS trình bày, GV cũng đồng thời thiết kế nhiệm vụ để hướng dẫn HS rèn luyện kỹ năng nghe. GV yêu cầu HS lắng nghe phần trình bày của bạn mình và đánh giá phần thể hiện của bạn dựa theo những tiêu chí được đề xuất trong SGK. GV nên thiết kế các tiêu chí thành dạng bảng kiểm để HS vừa nghe, vừa đánh giá kết quả trình bày của bạn. Khi HS nghe, GV có thể nhắc nhở các em: sử dụng giấy ghi chú để ghi lại những vấn đề liên quan đến bài trình bày làm căn cứ cho việc đánh giá; ghi lại những câu hỏi/ nội dung cần trao đổi với người nói khi phần trình bày kết thúc.

Lưu ý: Để phần trình bày của HS trở nên hấp dẫn, GV có thể thiết kế thành một buổi tọa đàm; một buổi tranh luận; một cuộc thi hùng biện..., trong đó HS được đóng vai để trình bày ý kiến từ nhiều góc nhìn khác nhau.

2.4. Tổ chức cho HS trao đổi, đánh giá về bài nói

Sau khi mỗi HS kết thúc phần trình bày, GV hướng dẫn và tổ chức cho các HS cùng lớp trao đổi về phần trình bày của bạn.

ÔN TẬP

Trước khi ôn tập, GV cần hướng dẫn HS tự đọc ở nhà VB *Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc?* và hoàn thành bài tập về nhận biết thể loại văn nghị luận và các bài tập khác trong mục Ôn tập. Trong lớp học, GV nên dành 1 tiết để HS chia sẻ kết quả đọc mở rộng và các bài tập đã làm trong mục Ôn tập.

GV nên nhắc HS nhớ lại câu hỏi lớn nêu ở đầu bài học và cho HS vài phút suy ngẫm, viết ngắn những suy nghĩ của mình về những góc nhìn cuộc sống của HS. Sau đó, có thể mời một vài HS trình bày trước lớp để chia sẻ. Hoạt động này giúp cả lớp hiểu bạn mình hơn.

BÀI 9. NUÔI DƯỠNG TÂM HỒN (12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết;

Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện.
- Nhận biết được chủ đề văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản; nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật; những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.

- Nhận biết được tác dụng của lựa chọn cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của văn bản.

- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
- Biết yêu con người, yêu cái đẹp.

Tùy vào điều kiện thực tế của việc dạy học mà số tiết của từng nhóm kỹ năng có thể linh hoạt điều chỉnh sao cho đảm bảo được mục tiêu.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về khái niệm “tâm hồn”, kiểu bài kể lại trải nghiệm, thế nào là tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của văn bản, kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.

- Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến; tổ chức cho HS thực hành vận dụng kiến thức và kỹ năng.

- Ngoài ra GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi và một số kỹ thuật dạy học như kỹ thuật KWL, kỹ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ,... khi tổ chức dạy Đọc, Viết, Nói và nghe và *Tri thức tiếng Việt*.

- Tổ chức cho HS thuyết trình, chia sẻ ý kiến, thảo luận về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

2. Phương tiện dạy học

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh liên quan đến bài học.

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng để chiếu VB mẫu.

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi sau khi đọc trong SGK thành phiếu học tập.

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài kể lại một trải nghiệm của bản thân, bài trình bày của HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể dẫn dắt vào bài học với một vài hoạt động gợi ý sau:

– Tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi về nội dung *Những niềm vui nho nhỏ*: HS suy nghĩ, viết ra giấy, chia sẻ với bạn về những hoạt động ngày thường mang đến cho mình cảm xúc vui vẻ, tích cực.

– Tổ chức cho các nhóm tham gia hoạt động thảo luận: lựa chọn một hình ảnh đại diện cho thế giới tâm hồn của con người (ví dụ: cái cây, bông hoa, ánh nắng mặt trời) và mô tả ngắn gọn tính chất của hình ảnh đó.

– Yêu cầu HS nhắm mắt và hình dung trong hoạt động hình dung, tưởng tượng: nếu được vẽ màu sắc cho cây tâm hồn của mình, em sẽ chọn vẽ màu gì, vì sao em chọn màu sắc đó. Sau đó, GV mời một vài HS chia sẻ trước lớp.

Tiếp theo, GV nêu câu hỏi lớn của bài học cho HS suy ngẫm.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Tri thức đọc hiểu

HS đã được học tri thức đọc hiểu về thể loại truyện trong các bài *Lắng nghe lịch sử nước mình*, *Miền cổ tích* và *Điểm tựa tinh thần*, do đó, trong bài này, GV nên:

Trước tiên, nêu câu hỏi gợi nhắc những đặc điểm: chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật, chủ đề, tình cảm, cảm xúc của người viết. Sau đó, chia nhóm HS, mỗi nhóm trả lời một trong những câu hỏi sau về VB *Tuổi thơ tôi* (Nguyễn Nhật Ánh):

- Đề tài của truyện là gì?
- Chủ đề của truyện là gì?
- Tìm một vài chi tiết tiêu biểu trong truyện.
- Tình cảm, cảm xúc của tác giả đối với nhân vật Lợi như thế nào?

2. Tri thức tiếng Việt

Trong bài này, HS được học về *lựa chọn cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của văn bản*. GV cung cấp kiến thức và hướng dẫn HS thực hành. Nội dung *Tri thức tiếng Việt* đã giải thích khái niệm lựa chọn cấu trúc câu và hướng dẫn cách lựa chọn cấu trúc cũng như tác dụng của nó. Ngoài những ví dụ đã có trong bài, GV nên tìm thêm các ví dụ khác bên ngoài và phân tích, giúp HS nhận thức được một cách đầy đủ hơn.

GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi học đọc văn bản 1, 2 và 3 để tạo thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC

1. Kĩ năng đọc hiểu truyện ngắn

Mục tiêu chính về việc dạy kĩ năng đọc theo thể loại của chủ điểm này là kĩ năng đọc thể loại truyện ngắn. Kĩ năng này HS đã được hướng dẫn ở bài 6, vì vậy, GV gợi nhắc kiến thức bằng cách nêu câu hỏi cho HS thảo luận:

– Trong bài 6 các em đã được học về truyện, bài 7 học về thể loại thơ. Vậy thơ khác truyện ở những điểm nào?

– Đọc truyện khác đọc thơ ở những điểm nào?

Dựa trên câu trả lời của HS, GV nhấn mạnh khi đọc truyện cần chú ý một số điểm như: cần nắm bắt các sự kiện (cốt truyện), tính cách nhân vật (thể hiện qua các chi tiết miêu tả hành động, ý nghĩ, ngoại hình...), tình cảm của tác giả đối với nhân vật có thể được thể hiện trực tiếp hoặc gián tiếp qua cách miêu tả, cách dùng từ ngữ, ngôn ngữ kể chuyện...

2. Kỹ năng suy luận

Ngoài kỹ năng đọc thể loại truyện ngắn, ở bài học này, HS còn được rèn luyện kỹ năng suy luận trong khi đọc. Kỹ năng này đã được học ở các bài trước nên GV chỉ gợi nhắc hoặc làm mẫu lại cho HS.

Trong quá trình đọc VB, GV cho HS thực hiện suy luận ở những chi tiết, đoạn truyện quan trọng. GV lưu ý nhắc HS cơ sở suy luận phải dựa trên việc bám sát các từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... kết nối các yếu tố đó trong đoạn truyện và kết nối với hiểu biết của bản thân để các nhận xét rút ra đảm bảo tính hợp lý, logic.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: LÃNG QUẢ THÔNG

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm.	1, 4, 5
Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ trong VB.	3
Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.	2, 6
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	7

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Tổ chức hoạt động *Chiếc hộp bí mật*: GV phát cho mỗi HS một tờ giấy nhỏ, yêu cầu các em ghi câu trả lời cho câu hỏi trong mục *Chuẩn bị đọc* (SGK, tr. 62). Sau đó, bỏ những tờ giấy này vào một chiếc hộp nhỏ. Nội dung các câu trả lời trong chiếc hộp bí mật sẽ chỉ được mở ra ở cuối bài học, khi HS trả lời câu hỏi số 7.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Đầu tiên, GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp đọc, cách đọc tên các nhân vật, địa danh.

Tiếp theo, tổ chức cho HS đọc phân vai, có thể phân thành các vai chính (người dẫn truyện, Đa-ni, nhạc sĩ E-đơ-va Gờ-ric, ông Nin-xơ, bà Mac-đa). Lưu ý: trước khi đọc phân vai, GV yêu cầu HS nêu cách đọc, giọng đọc của vai mà HS đảm nhiệm.

2.3. Suy ngẫm và phân hồi

Câu hỏi 1: Ở câu hỏi này, HS cần xác định được 3 sự việc chính của đoạn trích:

– Sự việc 1: Đa-ni chuẩn bị trang phục đi nghe hoà nhạc cùng cô Mac-đa và chú Nin-xơ.

– Sự việc 2: Đa-ni bất ngờ đón nhận món quà mà nhạc sĩ E-đơ-va Gờ-ric hứa tặng cô 10 năm trước: bản nhạc viết riêng cho cô năm cô 18 tuổi.

– Sự việc 3: Cảm xúc, suy nghĩ của Đa-ni sau khi đón nhận “món quà đặc biệt”.

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, liệt kê những sự việc chính xảy ra với nhân vật Đa-ni Pơ-đơ-xon trong đoạn trích trên tờ giấy ghi chú.

Sau khi HS hoàn thành, các em trao đổi tờ ghi chú với bạn bên cạnh và tiến hành sửa bài cho nhau dựa trên phần chốt của GV.

Câu hỏi 2, 3: Ở câu hỏi này, HS cần tìm và phân loại các chi tiết miêu tả nhân vật Đa-ni trên các phương diện: ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ, cảm xúc, ..., kết hợp với những chi tiết cho thấy tình cảm của tác giả dành cho nhân vật, từ đó rút ra những nhận xét về nhân vật. Những nhận xét đó phải khái quát được các đặc điểm nổi bật của Đa-ni là:

– Cô gái xinh đẹp, trong sáng (thể hiện qua ngoại hình, trang phục).

– Cô gái có tâm hồn mơ mộng, tinh tế, giàu trí tưởng tượng, giàu cảm xúc (thể hiện qua những chi tiết miêu tả cảm xúc của cô khi nghe nhạc giao hưởng, các hình ảnh tưởng tượng của cô về quê hương với khu rừng, tiếng tù và, tiếng sóng, ... khi nghe bản nhạc mà E-đơ-va Gờ-ric tặng cô).

– Cô gái hiểu biết, luôn biết ơn, trân trọng những giá trị mình được đón nhận (thể hiện qua những suy nghĩ của Đa-ni trong khi, sau khi nhận món quà nhạc sĩ E-đơ-va Gờ-ric tặng cô).

GV nên thiết kế tích hợp nội dung 2 câu thành phiếu học tập (có thể thiết kế phiếu dưới dạng bảng biểu hoặc bộ câu hỏi định hướng) và tổ chức cho HS thảo luận nhóm. Sau thời gian thảo luận, mỗi nhóm chỉ giữ lại thành viên thư kí, các HS còn lại chia đều sang các nhóm khác. Các nhóm mới được nghe thư kí nhóm cũ trình bày nội dung trong phiếu học tập và cùng góp ý, bổ sung ý kiến vào tờ phiếu đó.

Cuối cùng, GV mời một nhóm đại diện trình bày và chốt lại kiến thức trọng tâm trong bài đọc.

Câu hỏi 4: HS cần chỉ ra được đề tài truyện ngắn *Lãng quâ thông*.

Gợi nhắc HS nhớ lại khái niệm đề tài đã học ở bài *Miền cổ tích*: “Đề tài là hiện tượng đời sống được miêu tả, thể hiện qua văn bản”. Trên cơ sở đó, GV hướng dẫn HS thảo luận về đề tài của VB.

Gợi ý: *Lãng quâ thông* miêu tả về cuộc gặp gỡ giữa E-đơ-va Gờ-ric và cô bé Đa-ni Pơ-đơ-xon.

GV nên tổ chức cho HS thảo luận cặp, theo quy trình “nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ”.

Sau đó mời đại diện một số cặp trình bày kết quả thảo luận.

Câu hỏi 5: Sau đây là một vài gợi ý về chủ đề của truyện:

Gợi nhắc HS nhớ lại khái niệm chủ đề đã học ở bài *Miền cổ tích*: Chủ đề là vấn đề chính mà văn bản nêu lên qua một hiện tượng đời sống.

Gợi ý: Chủ đề của *Lãng quâ thông*: Qua câu chuyện về cách tặng quà và món quà mà nhạc sĩ E-đơ-va Gờ-ric tặng cô bé Đa-ni Pơ-đơ-xon, tác giả khẳng định giá trị và ý nghĩa của món quà tinh thần và của âm nhạc đối với tâm hồn con người.

Truyện ngắn *Lãng quâ thông* đề cập đến vấn đề: Giá trị, sự kì diệu của âm nhạc đối với đời sống tâm hồn con người.

Lưu ý: Chủ đề nêu ra cần tương thích với đề tài đã nêu ở câu trên.

GV nên tổ chức cho HS thảo luận cặp, theo quy trình nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ.

Sau đó mời đại diện một số cặp trình bày kết quả thảo luận.

Một gợi ý khác là GV có thể kết hợp câu hỏi 4, 5 thành phiếu học tập để HS thảo luận cặp, qua đó, phân biệt cho các em sự khác nhau giữa đề tài – chủ đề.

Câu hỏi 6: Đây là một câu hỏi mở, HS có thể có những câu trả lời như:

– Món quà đánh thức trong tâm hồn Đa-ni những hình ảnh đẹp đẽ về thiên nhiên quê hương và thời thơ ấu.

– Món quà giúp Đa-ni cảm nhận tình yêu, lòng nhân hậu mà nhạc sĩ E-đơ-va Gờ-ric dành cho cô.

– Món quà giúp Đa-ni cảm nhận rõ rệt về tình yêu cuộc đời, lòng biết ơn, những tình cảm tốt đẹp này sẽ giúp cô sống một cuộc đời có ý nghĩa.

– Món quà củng cố niềm tin về việc giữ lời hứa của người lớn với một đứa trẻ.

GV nên tổ chức cho HS làm việc cá nhân, viết ra giấy ghi chú để HS có thể bộc lộ được những góc nhìn, ý kiến cá nhân của em về ý nghĩa của món quà.

Câu hỏi 7: GV cần khuyến khích HS nêu ý kiến về cách cho và cách nhận một món quà từ trải nghiệm của bản thân (ở bước chuẩn bị đọc) và từ quá trình đọc truyện *Lãng qua thông*. Sau đây là một số gợi ý:

– Cách cho đi một món quà:

+ Đặt cả tâm lòng và tình cảm hoặc những lời chúc tốt đẹp trong món quà trao cho người khác.

+ Giá trị món quà trao đi nhiều khi không cần là vật chất mà là một niềm vui, sự yêu thương, một sản phẩm tinh thần,...

+ Cách tặng quà quan trọng hơn món quà, vì vậy, hãy chỉ tặng món quà khi người nhận hiểu giá trị của quà tặng đó.

– Cách nhận một món quà:

+ Nhận món quà với thái độ trân trọng tâm lòng của người tặng quà.

+ Nhận món quà với lòng biết ơn.

+ Nhận món quà với ý thức gìn giữ, nâng niu hoặc có những thái độ, hành động làm tăng lên giá trị, ý nghĩa của món quà.

GV có thể tổ chức hoạt động *Mở chiếc hộp bí mật* theo các bước sau:

– Bước 1: GV mở chiếc hộp đựng các tờ giấy ghi chia sẻ ban đầu của HS, yêu cầu các em nhận lại tờ giấy đó của mình.

– Bước 2: HS đọc lại nội dung chia sẻ mà em đã viết ở tiết số 1, tiếp tục viết vào tờ giấy (bằng mực đỏ) những suy nghĩ của em về cách cho và cách nhận một món quà dựa trên trải nghiệm cá nhân (hoạt động trước khi đọc) và cách nhạc sĩ E-đơ-va Gờ-ric tặng quà, cách Đa-ni nhận quà trong truyện *Lãng qua thông*.

– Bước 3: HS chia sẻ ý kiến với các bạn trong nhóm, các nhóm thống nhất ý kiến về cách cho và nhận một món quà.

– Bước 4: GV mời một vài nhóm HS đại diện trình bày kết quả.

VĂN BẢN 2: CON MUỐN LÀM MỘT CÁI CÂY

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi Suy ngẫm và phản hồi

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Mục tiêu	Hệ thống câu hỏi suy ngẫm và phản hồi
Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm.	1,5
Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.	2,3,4
Nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai VB.	6
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	7

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Có hai cách sau:

– Cho HS chuẩn bị phần chia sẻ (dưới dạng viết ngắn) về kỉ vật của một người thân mà em giữ mãi ở nhà, sau đó đến lớp trình bày.

– Yêu cầu HS mang đến lớp một kỉ vật của người thân mà em lưu giữ hoặc một bức ảnh chụp/bức tranh vẽ về kỉ vật đó và chia sẻ với các bạn trong nhóm hoặc với bạn ngồi bên cạnh (tuỳ vào lượng thời gian khởi động của GV để quyết định hoạt động nhóm hay cặp).

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB hoặc GV có thể đọc mẫu phần đầu của câu chuyện (chuyện lí do vì sao ông nội trồng cây ổi) cho HS, sau đó HS sẽ đọc hai phần còn lại (kí ức về cây ổi của Bum, ước mơ làm một cây ổi của Bum khi ông nội mất và đi xa căn nhà cũ). Sau mỗi phần, nên cho các em dừng lại 1, 2 phút để suy ngẫm và nhớ lại các chi tiết chính trong phần truyện vừa đọc.

2.3. Suy ngẫm và phân hồi

Câu hỏi 1: Ở câu hỏi này, HS cần chỉ ra được đề tài truyện ngắn *Con muốn làm một cái cây*. Sau đây là một số gợi ý cho câu trả lời:

- Kỷ niệm thời thơ ấu gắn với thiên nhiên.
- Tình cảm ông cháu.
- Sự cô đơn của đứa trẻ khi xa rời không gian sống quen thuộc.

GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân xác định đề tài truyện *Con muốn làm một cái cây* vào giấy ghi chú. Sau khi viết xong, HS đổi bài cho bạn bên cạnh và chấm, sửa cho nhau dựa trên phần chốt của GV.

Câu hỏi 2: Với câu hỏi này, dựa trên việc liệt kê các chi tiết miêu tả ông nội và Bum, HS cần rút ra được những nhận xét chính về hai nhân vật như sau:

Ông nội Bum:

- Yêu thương cháu, luôn dành cho cháu những sự chăm sóc, quan tâm.
- Hiểu đặc điểm, tâm lí, sở thích của những chú bé trai để đem đến những “món quà đặc biệt” của tuổi ấu thơ: trồng cây ổi để Bum leo trèo, chơi đùa với bạn như bố của Bum ngày xưa.

Chú bé Bum:

- Hồn nhiên, tinh nghịch, yêu thương bạn bè.
- Yêu thương ông nội, luôn hãnh diện, tự hào và nhớ đến “món quà đặc biệt” của tuổi thơ mà ông nội dành tặng mình.
- Tâm hồn nhạy cảm, cảm nhận được nỗi buồn, sự cô đơn trong lòng mình khi xa cây ổi, xa căn nhà thơ ấu, xa bạn bè.

GV nên tổ chức thảo luận nhóm (4, 5 HS) vì đây là câu hỏi khó, đòi hỏi HS liệt kê chi tiết về hai nhân vật ông nội, Bum và rút ra nhận xét về hai nhân vật đó.

GV nên thiết kế phiếu học tập để giúp các nhóm có định hướng dễ dàng hơn trong việc liệt kê chi tiết và rút ra nhận xét về nhân vật.

Câu hỏi 3: Tổ chức hoạt động *Nếu em là Bum...* HS vẽ vào tờ giấy ghi chú một mặt cười (☺) hoặc một mặt buồn (☹). Mặt cười thể hiện Bum là chú bé hạnh phúc, mặt buồn thể hiện Bum là chú bé không hạnh phúc.

HS đi tìm những bạn trong lớp có cùng ý kiến với mình và lập thành hai nhóm: *Bum mặt cười* và *Bum mặt buồn*. Mỗi nhóm có phần chia sẻ ý kiến ngắn với nhau và đại diện các nhóm trình bày trước lớp lí do vì sao Bum hạnh phúc hoặc không hạnh phúc.

Một số lập luận HS có thể đưa ra ở nhóm *Bum mặt cười*:

- Bum có một tuổi ấu thơ vui vẻ, hồn nhiên, được đùa nghịch với các bạn.

– Bum có ông nội thương cháu, yêu cháu, hiểu cháu nên đã trồng cả một cây ôi cho chú bé leo trèo.

– Bum có bố mẹ thương con, hiểu con nên khi biết con buồn, đã cố gắng trồng lại cây ôi và rủ bạn bè cũ về nhà chơi với Bum, dù gia đình chuyển chỗ ở.

Một số lập luận HS có thể đưa ra ở nhóm *Bum mắt buồn*:

– Bum mất ông nội, người bạn yêu thương và luôn bên cạnh Bum thời ấu thơ.

– Bum xa bạn bè cũ, xa cây ôi thân thiết thời thơ ấu nên có cảm giác lạc lõng, cô đơn sau khi gia đình chuyển nhà.

– Bố mẹ bận làm ăn, ít có thời gian để quan tâm đến Bum, nhất là quan tâm đến những nỗi buồn, sự cô đơn bên trong tâm hồn con.

Câu hỏi 4: Trong câu hỏi này, HS cần xác định được các ý nghĩa của cây ôi xuất hiện từ đầu đến cuối văn bản trên cả 2 phương diện: ý nghĩa nội dung và ý nghĩa nghệ thuật.

– Cây ôi là quà tặng đặc biệt với sự chăm chút và tình yêu mà ông nội dành cho Bum.

– Cây ôi là nơi gắn kết bạn bè, với những trò leo trèo nghịch ngợm của các chú bé.

– Cây ôi là niềm vui của thời thơ ấu hồn nhiên, được lớn lên trong yêu thương và được làm bạn với thiên nhiên.

– Cây ôi là hình tượng xuyên suốt từ đầu đến cuối truyện ngắn, kết nối thời thơ ấu của ba Bum, của Bum, kết nối quá khứ (cây ôi ông trồng) – hiện tại (cây ôi trong bài văn viết về mơ ước của Bum) – tương lai (dự định trồng lại cây ôi của ba mẹ).

GV nên tổ chức thảo luận nhóm đôi (theo kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ). Sau khi HS chia sẻ xong, GV mời đại diện một số cặp lên trình bày nội dung với cả lớp.

Câu hỏi 5: HS tự do nêu ý kiến, song cần xác định được thông điệp qua tác giả trên một số ý chính sau:

– Trẻ em cần được lớn lên trong yêu thương, chăm sóc và sự kết nối với bạn bè, thiên nhiên.

– Trẻ em cần được thấu hiểu, lắng nghe, nhất là thấu hiểu những cảm xúc bên trong (như cô đơn, buồn bã,...).

– Trẻ em cần được lớn lên với một thơ ấu đầy ắp niềm vui, được chơi đùa, nghịch ngợm đúng với lứa tuổi.

GV nên tổ chức thảo luận nhóm đôi (theo kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ). Sau khi HS chia sẻ xong, GV mời đại diện một số cặp lên trình bày nội dung với cả lớp.

Câu hỏi 6: GV tổ chức thảo luận nhóm, hoàn thành sơ đồ Venn so sánh nhân vật Đa-ni và Bum.

HS cần xác định được:

– Điểm giống nhau giữa Đa-ni và Bum: có đời sống tâm hồn phong phú nhạy cảm, giàu yêu thương.

– Điểm khác nhau giữa Đa-ni và Bum:

Đa-ni:

+ Cô gái xinh đẹp, trong sáng.

+ Cô gái ở lứa tuổi trưởng thành, lãng mạn, tinh tế, có đời sống nội tâm sâu sắc, phong phú.

+ Cô gái yêu đời và biết ơn những điều tốt đẹp mà mình đón nhận từ cuộc đời.

Bum:

+ Chú bé hồn nhiên, ngây thơ, tinh nghịch.

+ Chú bé giàu tình cảm, yêu ông, yêu bạn bè, yêu cây ổi – người bạn đặc biệt thời thơ ấu.

+ Chú bé có nhiều nỗi buồn, sự cô đơn khi bị xa cách với bạn bè cũ, không gian cũ gắn với tuổi thơ.

Các nhóm sau khi hoàn thành sơ đồ sẽ trao đổi kết quả cho nhau, mỗi nhóm có thêm thời gian 2 đến 3 phút góp ý, bổ sung kết quả thảo luận của nhóm bạn bằng mực đỏ.

GV mời đại diện 1 đến 2 nhóm lên trình bày và nhận xét, chốt kiến thức.

Câu hỏi 7: Với câu hỏi này, nên để HS tự do chia sẻ theo những trải nghiệm và suy nghĩ của các em.

HS chia sẻ theo cặp, sau đó đại diện một cặp chia sẻ với lớp.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: VÀ TÔI NHỚ KHÓI

1. Yêu cầu cần đạt

– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung tản văn *Và tôi nhớ khói*.

– Liên hệ, kết nối với VB *Lãng qua thông*, *Con muốn làm một cái cây* để hiểu hơn về chủ đề *Nuôi dưỡng tâm hồn*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

– Trước khi đọc:

GV có thể cho HS ngắm một số hình ảnh vừa hùng vĩ, vừa mộc mạc, đời thường của vùng đất, con người Hà Giang qua ống kính nhiếp ảnh gia Trần Tuấn Việt hoặc chọn một trích đoạn ngắn trong 5 tập video kí sự *Bản tình ca của đá* mà nhiếp ảnh gia này đóng vai nhân vật trải nghiệm. Cho HS chia sẻ cảm xúc về đất và người Hà Giang sau khi xem hình/trích đoạn video.

– GV tổ chức cho HS đọc diễn cảm VB theo nhóm, mỗi em trong nhóm đọc một đoạn. GV đến một vài nhóm đọc cùng HS.

– Trọng tâm của tiết đọc văn bản này:

GV cần hướng dẫn HS hình dung kí ức của nhân vật “tôi” về ngọn khói bếp (gắn liền với mùi hương, bữa cơm, cuộc sống sinh hoạt, vui buồn của con người). Từ đó, HS nhận xét được vẻ đẹp của thế giới tâm hồn nhân vật để hiểu được giá trị của kí ức, kỉ niệm đối với mỗi người.

Câu hỏi 1: GV thiết kế phiếu học tập và tổ chức cho HS thảo luận nhóm để tìm ra những giác quan được người viết sử dụng để miêu tả khói và ý nghĩa của quê hương đối với tác giả. Ví dụ:

Khói được miêu tả bằng giác quan	Dẫn chứng	Nhận xét về hình ảnh khói	Ý nghĩa của quê hương với tác giả
Thị giác			
Thính giác			
Xúc giác			
Vị giác			
Cảm giác			

Câu hỏi 2: Qua nỗi nhớ về khói, có thể thấy nhân vật “tôi” là người có đời sống tâm hồn:

– Phong phú (lưu giữ những kí ức sống động về khói từ mùi vị, hình ảnh, âm thanh, màu sắc...).

– Tinh tế, nhạy cảm (cảm nhận được niềm vui, nỗi buồn của khói gắn liền với niềm vui, nỗi buồn của con người).

– Nhiều yêu thương (dành cho gia đình, tuổi thơ, con người, thiên nhiên và khói).

GV tổ chức cho HS thảo luận cặp để cùng nhau rút ra những nhận xét về đời sống tâm hồn của nhân vật “tôi” thông qua nỗi nhớ khói.

Câu hỏi 3: GV cho HS thảo luận nhóm, sau khi các thành viên trong nhóm nêu ý kiến, nhóm tổng hợp lại các ý chính, sau đó trình bày trên lớp để cùng nhau chốt lại những nhận xét về giá trị của những kỉ niệm trong quá khứ với cuộc sống mỗi con người.

Dựa trên câu trả lời của HS, GV chốt, bổ sung kiến thức.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được tác dụng của lựa chọn cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của văn bản.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

Trong bài học này, HS được học kiến thức về *Lựa chọn cấu trúc câu và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nghĩa của VB*.

GV dùng phương pháp diễn giảng kết hợp sơ đồ hoá cấu trúc cơ bản của câu (C – V), cấu trúc câu thay đổi trật tự các thành phần câu và cấu trúc câu có nhiều vị ngữ.

Qua đó, GV giúp HS hiểu thế nào là lựa chọn cấu trúc câu bằng việc đảo trật tự các thành phần câu với mục đích nhấn mạnh và đặt câu có nhiều vị ngữ liên tiếp với mục đích mở rộng nội dung kể, tả.

GV sử dụng những ví dụ trong sách HS để minh hoạ cho phần lí thuyết và tìm thêm một số ví dụ bổ sung.

Thực hành tiếng Việt

Bài tập 1: Nếu câu văn “Phụ công sức chăm bẵm, chờ mong của ông, cây ôi cứ ra hoa rồi rụng, quyết không bói quả.” được viết lại thành “Cây ôi cứ ra hoa rồi rụng, quyết không bói quả, phụ công sức chăm bẵm, chờ mong của ông.” thì ý nghĩa của câu sẽ mất đi dụng ý nhấn mạnh việc cây ôi không bói quả là “phụ công sức chăm bẵm, chờ mong của ông”.

Gợi ý hoạt động:

GV có thể áp dụng kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ, HS sẽ trao đổi với bạn bên cạnh và cùng thống nhất câu trả lời.

GV mời một vài nhóm đại diện chia sẻ trước lớp.

Bài tập 2:

a. Câu văn sử dụng cấu trúc câu nhiều thành phần vị ngữ:

– *Chẳng bao lâu sau, những chùm bé xíu ấy to dần, chuyển từ màu xanh sẫm sang xanh nhạt, căng bóng.*

Vị ngữ 1: to dần.

Vị ngữ 2: chuyển từ màu xanh sẫm sang xanh nhạt.

Vị ngữ 3: căng bóng.

b. Việc sử dụng cấu trúc câu nhiều thành phần vị ngữ trong đoạn văn có tác dụng mở rộng nội dung kể, tả, giúp người đọc hình dung quá trình phát triển của những quả ôi.

Gợi ý hoạt động:

GV có thể áp dụng kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ, HS sau khi hoàn thành phần trả lời của bạn sẽ trao đổi với bạn bên cạnh và cùng thống nhất câu trả lời.

GV mời một vài nhóm đại diện chia sẻ trước lớp.

Bài tập 3: Những kỉ niệm êm đềm ngày thơ ấu, tôi sẽ không bao giờ quên.

Gợi ý hoạt động:

HS làm việc cá nhân. GV tổ chức cho các em trao đổi kết quả và chấm cho bạn dựa trên hướng dẫn của GV về việc thay đổi câu văn với mục đích nhấn mạnh.

Nếu HS gặp khó khăn khi giải quyết câu hỏi này, GV gợi ý các em đọc lại ví dụ trong mục *Tri thức tiếng Việt* (SGK). Mục đích của bài tập này là giúp HS biết chuyển cụm từ in đậm lên vị trí đầu câu văn nhằm tạo tác dụng nhấn mạnh.

Bài tập 4: HS làm việc cá nhân. GV tổ chức cho các em trao đổi kết quả và chấm cho bạn dựa trên hướng dẫn của GV về việc viết câu văn có nhiều vị ngữ.

Lưu ý trong bài tập này, GV nhắc HS câu văn sử dụng nhiều vị ngữ mà các em viết cần đảm bảo các yêu cầu:

- Đúng cấu trúc câu có 1 chủ ngữ và nhiều vị ngữ.
- Có tính logic về mặt nghĩa của từ, câu.
- Có tính thẩm mỹ, tránh sử dụng ngôn từ tiêu cực hoặc thô vụng.

Bài tập 5:

a. Các từ ngữ được dùng theo biện pháp nhân hoá trong đoạn văn: *khói vui; ngon lửa nhây nhót, reo vui phấn phật.*

b. Tác dụng của việc sử dụng biện pháp nhân hoá: giúp hình ảnh khói trở nên sinh động, có cảm xúc đồng điệu với tâm trạng con người. Khói trở thành một thành viên trong gia đình, gắn bó, chia sẻ niềm vui.

Gợi ý hoạt động:

GV có thể áp dụng kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ, HS trao đổi với bạn bên cạnh và cùng thống nhất câu trả lời.

Chân trời sáng tạo

VIẾT NGẮN

Cho HS viết đoạn văn ở nhà, sau đó đến lớp trao đổi với bạn, gạch chân câu có nhiều vị ngữ và biện pháp nhân hoá đã sử dụng trong đoạn văn. Sau đó, mời một vài HS đọc đoạn văn cho cả lớp nghe. GV nên hướng dẫn HS dán các đoạn văn của mình lên bảng phụ để giờ ra chơi, các em đọc đoạn văn của nhau.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: CÔ BÉ BÁN DIÊM

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được một số yếu tố của truyện: đề tài; nhân vật; sự việc; chi tiết tiêu biểu; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản; chủ đề.

2. Thực hành đọc

Sau khi học *Lăng quạ thông* và *Con muốn làm một cái cây*, ở phần này, HS được tự mình thực hành đọc hiểu một truyện ngắn. *Cô bé bán diêm* là truyện được gợi ý cho HS.

Đây là tác phẩm của một nhà văn quen thuộc với thiếu nhi – Hans Christian Andersen, cốt truyện giàu tình nhân văn, khơi gợi cảm xúc yêu thương, thấu cảm cho HS.

Khi đọc VB xong, HS trả lời 2 câu hỏi ở phần *Hướng dẫn đọc* (SGK) để tự kiểm tra kĩ năng đọc hiểu tác phẩm truyện ngắn của mình. Qua hoạt động này, một lần nữa, HS ôn lại các đặc điểm của thể loại truyện ngắn nói chung, cũng như nhìn thấy rõ hơn các đặc điểm đó được thể hiện sinh động qua từng tác phẩm cụ thể như thế nào.

GV nên giao nhiệm vụ cho HS đọc VB và hoàn thành các câu hỏi ở nhà.

Đến lớp, GV tổ chức một số hoạt động sau nhằm kiểm tra, đánh giá việc đọc ở nhà của HS và tăng sự hứng thú, tăng sự tham gia của HS vào tiết học. GV có thể lựa chọn một số hoạt động gợi ý sau đây:

Tổ chức các trò chơi như: *Rung chuông vàng*, *Điền khuyết*, *Nói cột*, *Nhanh như chớp*, *Hiểu ý đồng đội*,... để kiểm tra việc ghi nhớ nhân vật, các chi tiết, sự việc trong câu chuyện *Cô bé bán diêm*.

Sử dụng kĩ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ (bỏ qua bước nghĩ – viết) để HS chia sẻ về đề tài, chủ đề, sự việc, chi tiết tiêu biểu, những nhận xét về nhân vật cô bé bán diêm, tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

Sử dụng kĩ thuật *Khăn trải bàn* để HS ghi lại những kinh nghiệm cá nhân khi đọc truyện ngắn. Sau đó, HS chia sẻ trong nhóm, thống nhất những kinh nghiệm chung. GV mời một vài nhóm lên chia sẻ trước lớp.

VIẾT

1. Yêu cầu cần đạt

- Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài

GV nêu câu hỏi “Tại sao chúng ta cần thực hành thêm một lần nữa kiểu bài kể về một trải nghiệm của bản thân sau khi đã học trong bài số 4, học kì 1?” và để HS tự do phát biểu ý kiến, sau đó chốt lại về vai trò của kĩ năng viết văn kể chuyện và tác dụng của việc lặp đi lặp lại nhiều lần một kiến thức quan trọng sẽ giúp nâng cao kĩ năng viết.

Từ đó, GV dẫn dắt vào kiến thức trong *Tri thức về kiểu bài* (SGK). GV yêu cầu HS nhắc lại các ý chính trong mục này để đảm bảo HS đã hiểu đúng.

3. Phân tích kiểu văn bản

GV yêu cầu HS đọc bài *Trải nghiệm về một chuyến đi*.

GV tổ chức cho HS lần lượt trả lời ngắn gọn 5 câu hỏi về đặc điểm kiểu bài. Sau đó, GV tổ chức cho các em chia sẻ kết quả với các thành viên trong nhóm. Các nhóm thống nhất câu trả lời cho 5 câu hỏi, GV mời mỗi nhóm trả lời một câu, GV chốt ý.

4. Viết theo quy trình

Bước 1: Chọn đề tài cho bài kể lại một trải nghiệm.

– GV phát cho mỗi HS một tờ giấy ghi chú, yêu cầu các em liệt kê những hoạt động em đã trải nghiệm giúp đời sống tâm hồn của em phong phú.

– Sau khi HS viết xong, cho HS dán giấy ghi chú lên một tờ giấy A4 và cùng nhau chia sẻ trong nhóm.

– HS chốt lại đề tài cho bài viết của mình.

– GV xem các đề tài của HS và gợi ý điều chỉnh nếu HS chọn:

+ Hoạt động trải nghiệm chung chung (ví dụ: đọc sách, đi du lịch) mà không gắn liền với một đối tượng/nơi chốn cụ thể.

+ Hoạt động trải nghiệm đó ít liên quan đến quá trình nuôi dưỡng đời sống tâm hồn.

Bước 2: Từ đề tài đã xác định, GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho câu chuyện kể về một trải nghiệm giúp nuôi dưỡng tâm hồn bằng cách điền vào phiếu học tập sau:

Ý tưởng của tôi về bài kể lại một trải nghiệm giúp nuôi dưỡng tâm hồn

Đối tượng hoặc thời gian, nơi chốn tôi đã đến trải nghiệm
Tôi đi trải nghiệm cùng với ai?
Những sự việc chính xảy ra trong hành trình trải nghiệm.
Cảm xúc, tình cảm của tôi lúc trải nghiệm hoặc kỉ niệm sâu sắc nhất.
Tâm hồn tôi được nuôi dưỡng như thế nào sau trải nghiệm?

Bước 3: Hướng dẫn HS dựa vào phiếu học tập để hoàn thành dàn ý chi tiết cho bài

văn, bao gồm cả phần mở bài và kết bài.

Bước 4: Hướng dẫn HS dùng bảng kiểm trong SGK để tự kiểm tra bài viết của mình, sau đó cho HS chấm chéo bài viết của nhau theo các tiêu chí trong bảng kiểm.

Lưu ý: nhắc HS tránh các lỗi hay gặp dưới đây:

– Sa đà vào việc kể lể quá chi tiết các sự việc nhỏ khi trải nghiệm khiến bài viết dài dòng, lan man.

– Không xác định được các sự việc quan trọng nên hành trình trải nghiệm mơ hồ, không giúp người đọc hình dung được các diễn biến chính đã xảy ra.

– Không rút ra được các bài học về quá trình nuôi dưỡng tâm hồn (tình cảm, cảm xúc) mà việc trải nghiệm mang lại hoặc nêu quá nhiều bài học, bị trùng lặp ý, thiếu trọng tâm.

NÓI VÀ NGHE

1. Yêu cầu cần đạt

– Kể lại được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.

2. Thực hành nói và nghe

Các hoạt động dạy học trong phần này nhằm hướng dẫn HS đạt trọng tâm:

– HS biết cách kể lại trải nghiệm của bản thân sao cho hấp dẫn, thu hút người nghe, có thể sử dụng thêm hình ảnh, đồ vật minh họa (so với học kì I, ở bài số 4, các em chỉ mới kể lại một trải nghiệm từ bài viết).

– GV tạo tình huống để dẫn dắt HS vào hoạt động nói – nghe. Do đây là tiết học dựa trên nền tảng kiến thức – kỹ năng HS đã có sau bài 4, nên GV có thể sáng tạo, tổ chức giờ học theo các hình thức đa dạng, thu hút HS.

Lưu ý: GV khuyến khích HS sử dụng một trong các cách sau để bài nói thêm hấp dẫn, thuyết phục:

– Sử dụng hình ảnh: vẽ một bức tranh liên quan đến câu chuyện hoặc tóm tắt nội dung trải nghiệm trong một sơ đồ tư duy.

– Sử dụng âm thanh: dùng nhạc nền hoặc clip minh họa cho bài nói của em.

– Sử dụng đồ vật, mô hình: cầm theo một đồ vật hoặc một mô hình liên quan đến câu chuyện em đã trải qua.

ÔN TẬP

Trước khi ôn tập, GV cần hướng dẫn HS tự hoàn thành các bài tập trong mục Ôn tập ở nhà. Trong lớp học, GV nên dành 1 tiết để HS chia sẻ kết quả các bài tập đã làm trong mục Ôn tập.

Câu hỏi 1: GV có thể tổ chức cho HS chơi các trò chơi (theo nhóm hoặc cặp) để kiểm tra việc nắm nội dung chính trong các VB đọc mà HS tóm tắt nội dung chính ở nhà.

Câu hỏi 2: GV nên gợi ý HS làm một sổ tay nhỏ để ghi những điều HS đã làm. Mục đích của hoạt động này là giúp nuôi dưỡng tâm hồn HS. HS có thể cùng phụ huynh thực hiện các hoạt động này để phụ huynh hiểu con mình hơn.

Câu hỏi 3: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm về ý nghĩa của việc nuôi dưỡng tâm hồn: giúp con người có một cuộc sống phong phú, giàu cảm xúc; giúp con người có tình yêu và lòng biết ơn cuộc sống; giúp con người sống có ý nghĩa, cân bằng; giúp con người có những điểm tựa tinh thần khi trải qua biến cố trong cuộc sống,...

Gợi ý tổ chức hoạt động như sau:

- Bước 1: HS tự hoàn thành phiếu học tập;
- Bước 2: Sau khi chia sẻ suy nghĩ trong nhóm, cả nhóm cùng nhau chốt lại những điểm chung về ý nghĩa của việc nuôi dưỡng đời sống tâm hồn;
- Bước 3: Nhóm chọn một hình ảnh biểu tượng cho các ý đã thống nhất trong bước 2. Ví dụ như bông hoa, giọt nước, cái cây,... và giải thích ý nghĩa của biểu tượng.

BÀI 10: MẸ THIÊN NHIÊN (14 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 9 tiết; Viết: 3 tiết;
Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được văn bản thuật lại một sự kiện, nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.
- Nhận biết và hiểu được tác dụng của một số yếu tố trong VB thông tin; cách triển khai VB thông tin theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả; tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong VB.
- Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của VB; chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong VB có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân.
- Nhận biết được dấu chấm phẩy; các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và công dụng của chúng.
- Bước đầu biết viết VB thuyết minh thuật lại một sự kiện; tóm tắt được nội dung trình bày của người khác.
- Yêu quý, trân trọng thiên nhiên, tạo vật và sự sống của muôn loài.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

– Sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về văn bản thông tin, kiểu bài thuyết minh thuật lại một sự kiện, dấu chấm phẩy, các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và vai trò của chúng kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.

– Trọng tâm thể loại của chủ điểm này là VB thông tin. Vì thế, GV cần hướng dẫn HS tìm các video clip, hình ảnh,... gắn với VB được học trong chủ điểm để hiểu VB thông tin là loại VB đa phương tiện (multimodal texts).

– Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến khi dạy đọc VB ở hoạt động *Chuẩn bị đọc, Trải nghiệm cùng văn bản* (chia sẻ cảm nhận/ kết quả trả lời một số câu hỏi), *Suy ngẫm và phản hồi*; phân tích kiểu văn bản, thực hiện một số bước của quy trình viết, nói và nghe.

– Ngoài ra GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trò chơi và một số kĩ thuật dạy học như sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy Đọc, Viết, Nói và nghe và *Tri thức tiếng Việt*.

2. Phương tiện dạy học

Tùy điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

– SGK, SGV.

– Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to.

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, clip về môi trường, thiên nhiên (nếu có thể).

– Giấy A0/ A1 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

– Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu trong SGK thành phiếu học tập.

– Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, bảng kiểm đánh giá bài viết, bài trình bày của HS.

– ...

II. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Tham khảo cách giới thiệu trong SGK. Tuy nhiên, việc giới thiệu bài học cần ngắn gọn linh hoạt; nêu được câu hỏi lớn: *Giữ gìn những báu vật mà Mẹ Thiên Nhiên ban tặng có ý nghĩa như thế nào đối với chúng ta?*

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Tri thức đọc hiểu

Trước khi dạy VB *Lễ cúng thần lúa của người Chơ-ro*, GV cần dạy Tri thức đọc hiểu, gồm hai nội dung:

- Khái niệm, đặc điểm của VB thông tin (sa-pô, nhan đề, đề mục).
- Khái niệm, đặc điểm của VB thuyết minh thuật lại một sự kiện, thuộc thể loại VB thông tin. Để giúp HS hiểu được các tri thức trên, GV nên chuẩn bị một số bài báo, bài văn thuyết minh có hình ảnh, sa-pô, nhan đề,... để vừa giải thích vừa minh họa, nêu câu hỏi, cho HS thảo luận để giúp HS hình thành tri thức đọc hiểu.

2. Tri thức tiếng Việt

Bài này có hai kiến thức tiếng Việt: (1) dấu chấm phẩy; (2) phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

2.1. Dấu chấm phẩy

GV có thể cung cấp kiến thức về dấu chấm phẩy, đưa ra các ví dụ và phân tích cho HS hiểu kiến thức về dấu chấm phẩy. Sau đó hướng dẫn HS thực hành hoặc có thể hướng dẫn HS trả lời câu hỏi số 1 và số 2, từ đó hướng dẫn HS rút ra các kiến thức về đặc điểm của dấu chấm phẩy.

2.2. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ

GV có thể cung cấp kiến thức về phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ, đưa ra các ví dụ và giảng giải cho HS hiểu. Sau đó hướng dẫn HS thực hành hoặc có thể hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi trong phần thực hành rồi từ đó rút ra các kiến thức về đặc điểm của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

Riêng nội dung tri thức tiếng Việt, GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi học đọc văn bản 1, 2 và 3 để tạo thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC

1. Kỹ năng đọc văn bản thông tin

Hướng dẫn HS đọc lại mục *Tri thức đọc hiểu* để nhận biết cách đọc VB thông tin theo các bước sau:

- Đầu tiên, đọc lướt nhan đề, sa-pô và các đề mục, quan sát các hình ảnh để bước đầu nắm bắt nội dung VB.
- Tiếp theo, đọc kĩ từng mục để hiểu sâu hơn nội dung VB.

2. Kỹ năng suy luận, dự đoán

Trong VB 1 và VB 2 có nêu loại câu hỏi về kỹ năng theo dõi và suy luận. Các kỹ năng này đã được học trong các bài trước, vì thế, trong bài học này, GV chỉ cần:

- Yêu cầu HS nhắc lại các kỹ năng và cách thực hiện các kỹ năng đó.
- Tiếp tục cho HS thực hiện hai kỹ năng này trong khi đọc VB 1 và VB 2.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: LỄ CÚNG THẦN LÚA CỦA NGƯỜI CHƠ-RO

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được văn bản thuật lại một sự kiện, nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.	1, 2, 4
Nhận biết và hiểu được tác dụng của một số yếu tố trong VB thông tin như nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong VB.	4
Nhận biết được cách triển khai VB thông tin theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả.	3
Nhận biết được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,...).	5

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Cho HS trao đổi theo cặp về hai câu hỏi, sau đó, mời một vài HS đại diện nhóm trình bày trên lớp. Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

(Tham khảo cách tổ chức dạy học của các bài trước).

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

Câu hỏi 1: Trước tiên, GV gọi cho HS nhớ lại khái niệm, đặc điểm của một VB thông tin trong mục *Tri thức đọc hiểu*, sau đó cho 2 HS thảo luận:

- Xác định nhan đề, sa-pô, đề mục của VB.

– Lí giải mục đích của chúng.

Câu hỏi 2: GV nên hướng dẫn HS:

– Nhận biết trình tự các hoạt động được thuật lại trong VB (trước khi, trong khi và sau khi cúng Thần Lúa).

– Trên cơ sở đó, nhận ra các hoạt động đó được trình bày theo trình tự thời gian.

Câu hỏi 3: Tổ chức cho HS thảo luận theo cặp để xác định câu nào tường thuật sự kiện, câu nào miêu tả sự kiện, câu nào thể hiện cảm xúc của người viết trong đoạn văn bằng cách điền vào bảng sau:

Tường thuật sự kiện	Miêu tả sự kiện	Cảm xúc của người viết
Khi cúng xong, mọi người trở lên nhà sàn chính để dự tiệc.	Mở đầu buổi tiệc, theo truyền thống mẫu hệ, người phụ nữ lớn tuổi nhất trong gia đình sẽ uống li rượu đầu tiên, sau đó mới mời khách theo thứ bậc tuổi tác. Trong thời gian dự tiệc, mọi người vừa ăn uống vui vẻ, vừa nhảy múa, ca hát trong âm thanh trầm bổng, dặt dìu của dàn cồng chiêng và nhiều nhạc cụ dân tộc khác như đàn tre, kèn môi, kèn lúa,...	Thật tưng bừng, náo nhiệt!

Câu hỏi 4: Gọi cho HS nhớ lại khái niệm, đặc điểm của một VB thuyết minh thuật lại một sự kiện, từ đó xác định thể loại VB, đồng thời đưa ra những bằng chứng từ VB để chứng minh cho ý kiến của mình. Cụ thể là:

– Các hoạt động được trình bày theo trình tự thời gian (trước, trong và sau khi diễn ra lễ cúng).

– Kết hợp tường thuật với miêu tả, biểu cảm, kết hợp sử dụng ngôn ngữ và hình ảnh.

– Thông tin về sự kiện đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy.

Câu hỏi 5: Đây là một câu hỏi mở, cho HS trả lời theo suy nghĩ của mình, trao đổi, thậm chí tranh luận trong lớp nếu có những ý kiến trái ngược nhau.

VĂN BẢN 2: TRÁI ĐẤT – MẸ CỦA MUÔN LOÀI

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi Suy ngẫm và phân hỏi

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm* và *phân hỏi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Mục tiêu dạy học	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một VB thông tin có nhiều đoạn.	1
Nhận biết được văn bản thuật lại một sự kiện, nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.	2
Nhận biết và hiểu được tác dụng của một số yếu tố trong VB thông tin như nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong VB.	3, 4
Nhận biết được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,...).	5, 6

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Có những cách sau để thực hiện hoạt động này:

– Cách 1: Trước một tuần, yêu cầu HS tìm một số tranh ảnh về trái đất, thiên nhiên. Sau đó, mang đến lớp dán tranh ảnh lên bảng phụ cho cả lớp cùng xem. Tiếp theo, GV nêu câu hỏi, dẫn dắt vào bài học.

– Cách 2: Cho HS vài phút viết câu trả lời cho câu hỏi. Sau đó, mời một HS chia sẻ trước lớp. Dựa trên câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV nên hướng dẫn HS đọc ở nhà và nhận biết VB gồm mấy đoạn, nội dung của từng đoạn. Sau đó, dạy đến đoạn nào, GV và HS sẽ đọc đoạn đó trên lớp. GV cần nhắc HS: đây là VB thông tin có văn phong khoa học, vì thế, nên đọc bằng giọng đọc rõ ràng, khách quan, không diễn cảm quá mức.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

Câu hỏi 1: Hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi, tìm một vài chi tiết cho thấy sự sống đa dạng và phong phú trên hành tinh: con người, các loài động, thực vật. HS có thể kể tên một số loài động, thực vật được nhắc đến trong VB.

Câu hỏi 2: Hướng dẫn các nhóm HS kê bảng theo mẫu bảng trong SGK và điền thông tin vào hai cột. Sau đó, các nhóm treo sản phẩm lên bảng để so sánh, nhận xét, giúp HS đạt được mục tiêu: nhận biết cách triển khai thông tin theo quan hệ thời gian.

Câu hỏi 3: Tiếp tục hướng dẫn HS đọc lại mục *Tri thức đọc hiểu* và thảo luận để nhận ra:

- Sự khác biệt giữa sa-pô và các đề mục trong một VB thông tin.
- Tác dụng của cách trình bày nhan đề, sa-pô, đề mục.

Câu hỏi 4: Cho HS thảo luận nhóm để các em có cơ hội trình bày những ý kiến khác nhau về tác dụng của các hình ảnh, số liệu trong VB.

Câu hỏi 5: Hướng dẫn HS rút ra thông điệp của VB, đó là Trái Đất là Mẹ nuôi dưỡng muôn loài, vì thế con người cần có trách nhiệm bảo vệ Mẹ Trái Đất, cũng là bảo vệ sự sống của muôn loài, trong đó có con người.

Câu hỏi 6: Cho HS vài phút ghi câu trả lời, sau đó mời một vài HS phát biểu những suy nghĩ và hành động của bản thân. Lưu ý: đây là câu hỏi mở nên GV không áp đặt ý kiến cho HS.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: HAI CÂY PHONG

1. Yêu cầu cần đạt

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu đoạn trích.
- Liên hệ, kết nối với VB *Lẽ cùng Thần Lúa của người Chơ-ro, Trái Đất – Mẹ của muôn loài* để hiểu hơn về chủ điểm *Mẹ Thiên Nhiên*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

Dưới đây là một số gợi ý về nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động đọc hiểu qua hệ thống câu hỏi.

Câu hỏi 1: Hướng dẫn HS tìm một số chi tiết thể hiện hai cây phong “có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng”. Ví dụ: nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào, tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm, tiếng thờ dài,...

Câu hỏi 2: Hướng dẫn HS:

- Trước tiên, tìm các chi tiết thể hiện hai cây phong không chỉ được nhân vật “tôi” cảm nhận bằng thị giác, thính giác, mà còn bằng cả tâm hồn.
- Sau đó, thảo luận trong nhóm để bày tỏ sự đồng tình, không đồng tình với ý kiến trên.

Câu hỏi 3 và 4: Đây là hai câu hỏi mở, vì thế, GV nên cho HS thảo luận nhóm và trình bày ý kiến của mình. GV đóng vai trò là người định hướng chứ không áp đặt câu trả lời.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được dấu chấm phẩy.
- Nhận biết được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,...).

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

(Xem lại cách hướng dẫn trong phần *Tim hiểu tri thức Ngữ văn*).

3. Thực hành tiếng Việt

Bài tập 1: Hướng dẫn HS đọc lại mục *Tri thức tiếng Việt* để hiểu rõ chức năng của dấu chấm phẩy, trên cơ sở đó chỉ ra công dụng của dấu chấm phẩy được sử dụng trong đoạn văn. GV cần giúp HS nhận ra dấu chấm phẩy trong trường hợp này được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp.

Bài tập 2: Câu hỏi này khó hơn câu 1, vì thế nên cho HS thảo luận để lí giải vì sao không dùng dấu chấm phẩy trong đoạn văn. Trong trường hợp này, dấu phẩy trong câu chưa được dùng với chức năng nào khác và đây cũng không phải là một phép liệt kê phức tạp (không có nhiều cấp bậc) nên hoàn toàn có thể sử dụng dấu phẩy để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận thay vì phải dùng dấu chấm phẩy.

Bài tập 3: Hướng dẫn HS dựa vào hai VB đã học để chỉ ra các số liệu, hình ảnh đã được sử dụng và chỉ ra tác dụng của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong các VB: bổ sung thông tin để làm rõ và tăng tính thuyết phục cho nội dung VB, giúp người đọc tiếp thu văn bản tốt hơn.

VIẾT NGẮN

GV nên giao bài tập này trước một tuần để HS làm ở nhà. HS chọn một cảnh thiên nhiên mà em đã biết và viết đoạn văn giới thiệu (thuyết minh) về cảnh đó. GV cũng cần nhắc sử dụng dấu chấm phẩy khi liệt kê những vẻ đẹp của cảnh thiên nhiên. Sau đó, GV có thể:

- Cho HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp.
- Dán trên trang báo tường của lớp hoặc đưa lên các nhóm trao đổi chung của lớp để HS có thể cùng xem và nhận xét.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: NGÀY MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA TUỔI TRẺ

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết và hiểu được tác dụng của một số yếu tố trong VB thông tin như nhan đề, sa-pô, đề mục, hình ảnh, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong VB.

2. Thực hành đọc

VB *Ngày môi trường thế giới và hành động của tuổi trẻ* là một VB thể hiện rất nhiều các đặc điểm của VB thông tin như: nhan đề, sa-pô, đề mục, hình ảnh, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng.

GV hướng dẫn HS:

- Nhận biết đâu là nhan đề, sa-pô, đề mục, hình ảnh, số thứ tự và dấu đầu dòng.
- Chỉ ra tác dụng của các yếu tố trên bằng cách điền vào bảng sau:

Yếu tố của VB thông tin	Tác dụng
Nhan đề	Thể hiện nội dung chính của văn bản.
Sa-pô	Giới thiệu tóm tắt nội dung bài viết và tạo sự lôi cuốn đối với người đọc.
Đề mục	Giúp cho bố cục văn bản mạch lạc và dễ tiếp nhận.
Hình ảnh	Giúp người đọc dễ hình dung nội dung được thể hiện trong văn bản.
Chữ đậm	Nhận biết thông tin trọng tâm.
Số thứ tự	Nhận biết trình tự thông tin.

Lưu ý: GV có thể cho HS làm bài tập ở nhà, sau đó đến lớp chia sẻ.

VIẾT

1. Yêu cầu cần đạt

- Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- Bước đầu biết viết VB thuyết minh thuật lại một sự kiện.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

Đây là kiểu bài kết nối với VB *Lễ cúng Thần Lúa của người Chơ-ro*. Vì thế, có hai cách mà GV có thể sử dụng để dạy tri thức nền:

– Cách 1: GV nêu câu hỏi khơi gợi kiến thức nền của HS về lễ cúng Thần Lúa. Ví dụ: Các sự kiện của lễ cúng thần Lúa được thuật lại theo trình tự nào? Cách thuật lại như vậy có tác dụng gì? Câu văn này thể hiện nhận xét, cảm nhận gì của tác giả? Tiếp theo, GV giảng giải ngắn về kiểu bài, đặc điểm kiểu bài.

– Cách 2: GV trình bày các đặc điểm của kiểu bài trên bảng phụ (xem bảng sau), sau đó, cho HS vừa đọc lại *Lễ cúng Thần Lúa của người Chơ-ro* vừa trả lời câu hỏi:

Đặc điểm kiểu bài thuyết minh thuật lại một sự kiện

Đặc điểm/ yêu cầu của kiểu bài	<i>Lễ cúng Thần Lúa của người Chơ-ro</i>
1. Giới thiệu được sự kiện, thời gian và địa điểm diễn ra sự kiện.	
2. Thuật lại đủ các hoạt động chính của sự kiện theo một trình tự hợp lí.	
3. Sử dụng thông tin chính xác, tin cậy trong khi thuật lại sự kiện.	
4. Đưa ra được nhận xét, đánh giá, hoặc cảm nhận của người viết về sự kiện.	

3. Phân tích kiểu văn bản

(Cách dạy tương tự như các bài trước)

4. Viết theo quy trình

Trước khi dạy bài này 1 hoặc 2 tuần, GV nên giao cho HS đề bài để HS có thời gian suy nghĩ, nhớ lại những lễ hội đã tham gia hoặc chứng kiến. GV cũng có thể hướng dẫn HS xem clip về một lễ hội để ghi chép thông tin, ý tưởng, cảm xúc, sự kiện,... vào *Phiếu tìm ý tưởng*:

Phiếu tìm ý tưởng: Quan sát và ghi chép của tôi về sự kiện

Tôi muốn viết VB thuật lại sự kiện gì? Viết VB này cho ai đọc?

Sự kiện xảy ra ở đâu, thời gian nào và bao lâu?

Trình tự và diễn biến các sự việc cụ thể trong sự kiện?

Những hình ảnh, chi tiết nào về sự kiện mà tôi còn nhớ?

Tôi có cần tìm kiếm số liệu hay đưa vào bài viết trích dẫn nào không?

Việc tham dự, chứng kiến diễn biến sự kiện có ý nghĩa thế nào đối với tôi?

Nếu không có sự chuẩn bị này, HS sẽ không có đủ thông tin để viết bài.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu)

GV hướng dẫn HS thực hiện bước này bằng cách nêu và trả lời một số câu hỏi:

– Tôi nên chọn sự kiện (lễ hội) nào? Tôi có đủ thông tin về sự kiện (lễ hội) đó? Nếu không đủ, tôi có thể tìm thông tin từ đâu? Sự kiện (lễ hội) nào khiến tôi hứng thú nhất?

– Tôi viết nhằm mục đích gì?

– Người đọc của tôi có thể là ai? Họ muốn biết gì về vấn đề này?

GV có thể yêu cầu một vài HS trình bày những gì đã viết, hoặc đang cân nhắc.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Trong bước này, GV hướng dẫn mỗi HS dựa vào kết quả tìm thông tin đã chuẩn bị, phác thảo ý tưởng cho bài viết. Sau đó, hướng dẫn HS sắp xếp, thể hiện những ý tưởng thành dàn bài (có thể dùng sơ đồ tư duy, sơ đồ chuỗi, 5W1H,...).

Mở bài

Giới thiệu về thời gian, không gian,...

Cảm xúc chung

Cảm nhận chung về sự kiện,...



Sau khi HS lập xong dàn ý, GV cho HS chia sẻ trong nhóm đôi để góp ý cho nhau.

Bước 3: Viết bài

Trước khi cho HS viết bài (tại lớp hoặc viết ở nhà tùy vào phân bổ thời gian của GV cho hoạt động viết), GV hướng dẫn HS tìm hiểu các yêu cầu đối với kiểu bài và nhắc HS nhìn vào bảng kiểm SGK khi viết.

Bước 4: Chỉnh sửa và chia sẻ

Bước này có thể thực hiện qua hai hoạt động:

– Hướng dẫn HS dùng *Bảng kiểm bài viết thuật lại một sự kiện (lễ hội)* để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân (thực hiện ở nhà).

– Tổ chức cho 2 HS trao đổi bài, tiếp tục dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau. Khuyến khích HS về nhà tiếp tục điều chỉnh bài viết.

Cuối cùng, cho HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn về cách thuật lại một sự kiện.

NÓI VÀ NGHE

1. Yêu cầu cần đạt

Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác.

2. Thực hành nói và nghe

GV tổ chức cho HS khởi động vào bài học qua việc tổ chức một trò chơi (Truyền thông tin; Ai ghi chép nhanh hơn? Ai ghi chép nhiều hơn? Ai ghi chép chính xác hơn?; trò chơi ô chữ,...) hoặc đặt ra các câu hỏi nhằm khơi gợi kiến thức về vai trò quan trọng của việc lắng nghe và ghi chép trong cuộc sống và học tập.

Để dạy cách tóm tắt nội dung trình bày của người khác, GV có thể khơi gợi kiến thức HS đã học về cách tóm tắt nội dung trình bày của người khác (bài 6), xác định mục đích của các bước lắng nghe và ghi chép, trao đổi và chỉnh sửa. Sau đó, GV có thể cho HS thực hành theo hai cách:

Cách 1:

– Xem clip một người đang thuyết trình hoặc chính GV thuyết trình, hoặc mời một HS thuyết trình theo chủ đề đã chuẩn bị.

– HS lắng nghe và thực hành ghi chép tóm tắt.

– Mời một số HS trình bày bản ghi chép, từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm.

Cách 2:

– Cho hai HS lần lượt đóng vai người thuyết trình và người ghi chép.

– Sau đó, mời một vài HS thực hiện trên lớp để cả lớp quan sát, rút kinh nghiệm.

ÔN TẬP

GV cho các nhóm:

– Lần lượt thực hiện các yêu cầu trong SGK, trên giấy A0/A1.

– Mời các nhóm treo sản phẩm lên bảng để cả lớp cùng quan sát, góp ý.

Câu hỏi 3: cho từng HS ghi ra khoảng 3 ý nghĩa, sau đó cho HS chia sẻ với bạn bên cạnh. Cuối cùng mời một vài HS chia sẻ với cả lớp.

BÀI 11: BẠN SẼ GIẢI QUYẾT VIỆC NÀY NHƯ THẾ NÀO? (3 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

• Biết vận dụng kiến thức đời sống, kiến thức văn học và các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe để giải quyết một tình huống.

• Phát triển năng lực giải quyết vấn đề thông qua các bước: xác định vấn đề; đề xuất và lựa chọn giải pháp; thực hiện giải pháp; đánh giá giải pháp.

• Phát triển khả năng tư duy độc lập; biết chú ý các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

• Quan tâm, yêu thương người khác.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học theo tình huống đòi hỏi GV có sự linh hoạt và sáng tạo trong cách tổ chức lớp học, bố trí thời lượng cho các phần, cách đặt câu hỏi, tổ chức và khuyến khích HS thảo luận, cách phối hợp nhuần nhuyễn và cân đối với các phương pháp dạy học khác, ...

GV có thể chỉnh sửa hoặc chủ động thiết kế tình huống để giảng dạy và tổ chức cho HS giải quyết. Tuy nhiên, khi chỉnh sửa, bổ sung nội dung các tình huống trong SGK, GV cần chú ý:

- Tình huống phải phục vụ cho việc thực hiện các mục đích, yêu cầu của bài học. Đặc biệt là việc hình thành năng lực vận dụng phối hợp các kiến thức, kĩ năng đã học vào việc giải quyết một tình huống cụ thể trong cuộc sống.

- Tình huống phải thiết thực, gắn với những sự việc thực tế cụ thể và phù hợp trình độ, tâm lí lứa tuổi HS lớp 6.

- Tình huống phải hấp dẫn, tạo được hứng thú, kích thích tư duy.

- Tình huống phải mang tính khả thi, bảo đảm những điều kiện để HS có thể đưa ra giải pháp hợp lí, hiệu quả.

GV cần chủ động, sáng tạo trong tổ chức lớp học và có thể tổ chức hoạt động theo một trong những cách sau:

- Cho các nhóm cùng giải quyết tất cả các tình huống.

- Chia lớp thành 6 nhóm: nhóm 1, 2: giải quyết tình huống thứ nhất, nhóm 3, 4: giải quyết tình huống thứ 2; nhóm 5, 6: giải quyết tình huống thứ 3.

Để hướng dẫn HS giải quyết các tình huống trong SGK một cách tốt nhất, GV cần tham khảo một số sách hướng dẫn kĩ năng lựa chọn sách và kĩ năng đọc sách, sách về tâm lí lứa tuổi, sách hướng dẫn cách cho, tặng quà, sách về môi trường, thế giới tự nhiên, sách về khơi gợi sự sáng tạo,...

2. Phương tiện dạy học

Tùy điều kiện, GV chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to.

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện.

- Giấy A0/ A1 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric hoặc bảng kiểm để đánh giá bài trình bày của HS.

- ...

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Tham khảo cách giới thiệu trong SGK.

Việc giới thiệu bài học cần ngắn gọn, linh hoạt; khơi gợi nơi HS sự tò mò, thắc mắc và tự nghĩ về các tình huống mà mình đã gặp và các cách giải quyết. Vấn đề đặt ra ở phần giới thiệu sẽ được nhắc lại ở cuối bài học. GV hướng dẫn HS tự rút ra bài học về kiến thức và kĩ năng giải quyết một tình huống trong cuộc sống.

GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG NHỨ NHẤT

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết

a. Hướng dẫn HS đọc hiểu tình huống

Câu hỏi a1, a2, a3: giúp HS nhận biết các thông tin về nhân vật, sự việc có trong tình huống. HS có thể dựa vào văn bản để trả lời. Từ đó GV có thể đặt các câu hỏi ở cấp độ tư duy phân tích để nối kết với giải pháp.

Câu hỏi a4, a5: giúp đánh giá sự hiểu biết riêng của HS về các kiến thức liên quan đến tình huống. “Biết cách đọc sách” là đọc có phương pháp, đọc sách một cách hiệu quả; Câu lạc bộ Đại sứ văn hoá đọc là nơi quy tụ HS yêu thích đọc sách, có kĩ năng và phương pháp đọc, có ước muốn lan toả niềm đam mê đọc sách tới mọi người.

b. Hướng dẫn HS nhận biết vấn đề trọng tâm

GV có thể hướng dẫn HS xác định vấn đề trọng tâm cần giải quyết sau khi đã đọc hiểu tình huống hoặc lồng ghép việc xác định vấn đề trọng tâm vào trong quá trình đọc hiểu tình huống.

Tình huống đặt ra mối liên hệ giữa “cách lựa chọn sách và cách đọc sách” với tâm lí lứa tuổi, định hướng nghề nghiệp, các phương tiện công nghệ hiện đại, kĩ năng và phương pháp đọc (đọc lướt, đọc sâu, đọc theo thể loại,...). Bên cạnh việc khơi gợi tư duy phân tích, phản biện, GV hướng dẫn HS xác định rõ vấn đề trọng tâm cần giải quyết.

Bước 2: Tìm kiếm và lựa chọn giải pháp

a. Thu thập thông tin, ý tưởng

Hướng dẫn HS huy động vốn kiến thức, thu thập thông tin, tìm kiếm ý tưởng bằng việc trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu cụ thể trong SGK. GV yêu cầu HS thực hiện ghi chép hoặc vẽ sơ đồ các hoạt động và kiến thức thu thập được.

Yêu cầu a1: hướng đến việc nối kết sự việc trong tình huống với kiến thức, kĩ năng đã học hoặc kiến thức, kĩ năng cần có để giải quyết tình huống.

Yêu cầu a2: Hướng đến việc lựa chọn và thực hiện các yêu cầu để có kiến thức, kỹ năng mà HS đã xác định là cần thiết để giải quyết tình huống.

Trong quá trình hướng dẫn, GV cần chú ý:

– Hướng dẫn HS cách huy động kiến thức, kỹ năng mà HS cho là cần thiết để giải quyết tình huống.

– Tìm kiếm, nối kết các kiến thức đã biết và những kiến thức cần phải biết với tình huống cần giải quyết.

– Cần quan tâm đến điều kiện cụ thể của mỗi HS, điểm yếu, điểm mạnh để phát huy năng lực tìm kiếm và lựa chọn giải pháp.

b. Tìm kiếm và lựa chọn giải pháp

GV hướng dẫn HS lựa chọn giải pháp phù hợp theo các gợi ý trong SGK hoặc đề xuất các giải pháp khác theo suy nghĩ riêng.

Cần phân biệt:

– Giải pháp là toàn bộ các yếu tố, các điều kiện để giải quyết tình huống.

– Sản phẩm theo giải pháp là các bài viết, bài thơ, câu chuyện, clip,... cụ thể.

Ví dụ: HS có thể lựa chọn giải pháp là viết lá thư trao đổi và sau đó là hướng dẫn bạn chọn sách tại thư viện trường. Vậy toàn bộ các hoạt động viết lá thư, gấp gỡ, trò chuyện, hướng dẫn bạn chọn sách và đọc sách tại thư viện là giải pháp và lá thư là sản phẩm theo giải pháp.

Bước 3: Thực hiện

GV hướng dẫn HS hình dung toàn bộ giải pháp bằng việc vẽ một sơ đồ tư duy hoặc lập dàn ý để liệt kê một cách có hệ thống các bước, các việc cần thực hiện để giải quyết tình huống.

GV tổ chức cho HS thực hiện giải pháp, tạo sản phẩm theo giải pháp đã lựa chọn và lập tiêu chí đánh giá các sản phẩm (dựa trên yêu cầu cần đạt về năng lực giải quyết vấn đề đối với HS THCS mà CTGDPT tổng thể đã đề ra).

GV tổ chức cho HS trình bày giải pháp theo nhóm hoặc lớp. HS có thể trình bày toàn bộ giải pháp, có thể chỉ trình bày sản phẩm theo giải pháp đã được thực hiện. GV cần lưu ý HS giải thích vì sao mình đã thực hiện như vậy, khơi gợi các ý kiến phản biện để HS điều chỉnh giải pháp cho hiệu quả.

GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG THỨ HAI

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết

a. Đọc hiểu tình huống

Câu a1, a2: HS tìm kiếm các thông tin về hành động, lời nói thể hiện tình cảm của Siêu Nhân với ba mẹ khi bạn ấy học tiểu học và những suy nghĩ khi lên lớp 6. Từ đó HS đưa ra các nhận xét: khi học tiểu học, bạn Siêu Nhân dễ dàng bộc lộ tình cảm với ba mẹ bằng những hành động, lời nói cụ thể, khi lên lớp 6, Siêu Nhân cảm thấy ngại ngùng khi phải thể hiện tình cảm ấy một cách cụ thể. Có thể bạn ấy cho rằng biểu lộ tình cảm cụ thể là việc làm của trẻ con.

Câu a3: dựa vào văn bản, HS liệt kê những việc mà Siêu Nhân muốn Lớp Trưởng Thông Thái giúp đỡ, hỗ trợ.

Câu a4, a5: HS được tự do trả lời theo suy nghĩ riêng. Căn cứ vào nội dung trả lời, GV có thêm thông tin để hỗ trợ HS khi lựa chọn và thực hiện giải pháp.

b. Nhận biết vấn đề trọng tâm

HS xác định vấn đề trọng tâm cần giải quyết là sự việc cụ thể trong tình huống: giúp Siêu Nhân bộc lộ tình cảm với ba mẹ (trong mối liên hệ với việc lựa chọn quà tặng *vẽ bức tranh, sáng tác bài hát hay làm thơ, kể chuyện*; tặng món quà theo ý riêng của bạn ấy hay tặng theo sở thích của mẹ) hoặc HS có thể xác định về vấn đề trọng tâm cần giải quyết một cách khái quát là cách bộc lộ tình cảm với người thân sao cho ý nghĩa nhất.

Bước 2: Tìm kiếm và lựa chọn giải pháp

Tham khảo cách thực hiện ở tình huống thứ nhất.

Bước 3: Thực hiện

Cho HS thảo luận nhóm, lập kế hoạch thực hiện theo sơ đồ trong SGK hoặc sơ đồ do HS tự thiết kế. Sau đó, cho các nhóm trình bày kết quả.

GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG THỨ BA

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết

a. Đọc hiểu tình huống

Hướng dẫn HS đọc hiểu tình huống bằng cách trả lời các câu hỏi trong mục a:

– Góc truyền thông trong trường học là nơi để nhà trường (Ban Giám hiệu, Đoàn thanh niên, các câu lạc bộ, ...) truyền tải các thông tin cần thiết đến HS. Góc truyền thông có thể là một tấm bảng đen được trang trí, phân chia thành các khung, các ô với nội dung thông tin khác nhau.

– Từ “*lắng nghe*” là đón nhận lời trò chuyện, tâm sự với thái độ tập trung, chăm chú, chân thành; “*lời thờ than*” là lời kể lể về những nỗi niềm, những sự việc đau buồn.

– HS tự do tưởng tượng và miêu tả về hình vẽ. Có thể tả kết hợp tự sự và biểu cảm về sự việc tàn phá cây cối dẫn đến cái chết của muông thú.

– HS tự do liên hệ đến bài thơ, câu chuyện, đoạn phim liên quan đến việc phá rừng, ảnh hưởng đến môi trường sống của muôn loài.

– HS có thể xác định các bức thông điệp khác nhau: chặt một cây rừng, giết nhiều sinh vật; tàn phá rừng là giết hại muông thú; nỗi đau của rừng xanh bị tàn phá,...

– Dựa vào các thông tin đã cho, HS xác định việc câu lạc bộ cần làm là thực hiện một sản phẩm sáng tạo cho góc truyền thông từ bức hình.

b. Nhận biết vấn đề trọng tâm

Hướng dẫn HS nhận biết vấn đề trọng tâm bằng cách trả lời các câu hỏi trong mục b:

– Cho các nhóm thực hiện một sản phẩm sáng tạo cho góc truyền thông từ nguồn cảm hứng là bức hình vẽ về một cây xanh bị chặt đã dẫn đến cái chết của nhiều sinh vật.

– Thông tin cần lưu ý trong tình huống là sản phẩm sáng tạo sẽ được đăng tải ở góc truyền thông của trường. Khi giải quyết tình huống phải nghĩ đến vấn đề thuận tiện cho việc đăng tải; nội dung sản phẩm phải độc đáo, hấp dẫn, có sức lan tỏa.

– Từ việc nhận biết vấn đề trọng tâm, GV hướng dẫn HS thực hiện các bước theo yêu cầu của SGK.

Bước 2: Tìm kiếm và lựa chọn giải pháp

Cách hướng dẫn: tương tự 2 tình huống trên.

Bước 3: Thực hiện

Cách hướng dẫn: tương tự 2 tình huống trên.

GỢI Ý TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

1. Các yếu tố miêu tả và tự sự trong đoạn thơ:

– Yếu tố miêu tả: thể hiện ở các chi tiết miêu tả chú bé Lượm như “chú bé loắt choắt”, “cái xác xinh xinh”, “cái chân thoăn thoắt”, “cái đầu nghênh nghênh”, “ca-lô đội lệch”, “Mồm huýt sáo vang/ Như con chim chích/ Nhảy trên đường làng”.

– Yếu tố tự sự thể hiện ở việc kể lại cuộc gặp gỡ tình cờ giữa nhân vật trữ tình và chú bé Lượm “Tình cờ chú cháu/ Gặp nhau Hàng Bè”.

2. GV hướng dẫn HS dựa vào phần *Tri thức đọc hiểu* (SGK, tr. 28) và kinh nghiệm đọc các VB thơ trong bài *Gia đình thương yêu* để trả lời câu hỏi này. Có thể rút ra một số lưu ý về việc đọc thơ như sau:

– Cần chú ý đến ngôn ngữ đặc sắc của bài thơ: những từ ngữ độc đáo, các biện pháp tu từ, các hình ảnh thơ được gợi ra từ ngôn ngữ...

– Cần chú ý đến yếu tố miêu tả và tự sự trong bài thơ, hiệu quả biểu đạt của các yếu tố miêu tả, tự sự ấy trong việc tăng sức gợi.

– Cần chú ý đến tình cảm, cảm xúc người viết gửi gắm qua ngôn ngữ thơ. Có thể trả lời một số câu hỏi: Bài thơ gửi gắm tình cảm, cảm xúc gì? Em có nhận xét gì về tình cảm, cảm xúc ấy? Những cảm xúc, tình cảm ấy liên hệ thế nào với bản thân em và cuộc sống xung quanh?

3. GV hướng dẫn HS dựa vào phần *Tri thức đọc hiểu* (SGK, bài 10) và kinh nghiệm đọc các VB thông tin trong bài *Mẹ Thiên Nhiên* để trả lời câu hỏi này. Gợi ý:

Yếu tố	Tác dụng
Sa-pô	Tóm tắt nội dung bài viết, tạo sự lôi cuốn với người đọc.
Đề mục	Giúp VB mạch lạc, dễ tiếp nhận.
Chữ in đậm	Tô đậm đề mục, làm nổi bật bố cục VB; tô đậm từ khoá trong VB, làm bật lên ý chính của VB.
Số thứ tự	Đánh dấu thứ tự các đề mục, các ý, giúp VB mạch lạc, dễ tiếp nhận.
Dấu gạch đầu dòng	Đánh dấu các phần nội dung trong VB, giúp VB mạch lạc, dễ tiếp nhận.

4. GV hướng dẫn HS dựa vào phần *Tri thức đọc hiểu* (SGK) của bài *Điểm tựa tinh thần*, ôn lại tri thức đọc hiểu về truyện ở bài *Lắng nghe lịch sử nước mình*, *Miền cổ tích* (SGK *Ngữ văn 6, tập một*) để khái quát những điều cần lưu ý khi đọc tác phẩm truyện. Cụ thể:

- Cốt truyện: Những sự việc chính của truyện là gì?
- Người kể chuyện: Người kể chuyện là ai? Truyện được kể theo ngôi kể nào?
- Nhân vật: Chú ý đến các đặc điểm của nhân vật như ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, ý nghĩ,...

5. Việc trình bày ý kiến của mình về một hiện tượng trong cuộc sống thuộc kiểu VB nghị luận.

6. Tóm tắt các bước quy trình nói:

Bước	Việc cần làm
Bước 1: Xác định đề tài, thời gian và không gian nói	Trả lời các câu hỏi: Nói về đề tài gì? Nói ở đâu? Nói với ai? Nói vào lúc nào, trong thời gian bao lâu?
Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý	Dựa vào bước 1, chọn lọc nội dung nói cho phù hợp với thời gian, không gian nói. Lập dàn ý bài nói (có thể theo dạng sơ đồ, dạng gạch đầu dòng), sắp xếp các ý trong bài nói theo một trình tự hợp lí.
Bước 3: Luyện tập và trình bày	Luyện tập nói cho tự nhiên, nhuần nhuyễn và trình bày.
Bước 4: Trao đổi và đánh giá	Dựa vào bảng kiểm để đánh giá bài nói trong vai trò người nói và người nghe để chỉnh sửa bài nói của bản thân và các bạn cho hoàn thiện hơn.

7. Dựa vào *Tri thức tiếng Việt* (SGK Ngữ văn 6, tập hai) để trả lời câu hỏi này.

8. Sự giống nhau và khác nhau giữa từ đa nghĩa và từ đồng âm:

	Từ đa nghĩa	Từ đồng âm
Giống nhau	Đều có sự tương đồng về ngữ âm giữa các từ (đọc giống nhau)	
Khác nhau	Các từ đa nghĩa có sự tương quan về nghĩa (một từ là nghĩa gốc, một từ là nghĩa chuyển)	Các từ đồng âm không có sự tương quan về nghĩa (nghĩa khác nhau)

Gợi ý giải bài tập:

a. Từ đa nghĩa. Từ *xuân*₁ mang nghĩa gốc, nghĩa là một mùa trong năm, chuyển tiếp từ xuân sang hạ, được xem là mùa đầu tiên trong năm. Nghĩa của từ *xuân*₂ mang nghĩa chuyển, có nghĩa là làm cho đất nước càng ngày càng tươi đẹp (giống như mùa xuân).

b. Từ đồng âm. Hai từ *tranh* có nghĩa không liên quan đến nhau: *tranh*₁ chỉ tác phẩm hội họa, *tranh*₂ chỉ hành động tìm cách giành lấy, làm thành của mình.

c. Từ đồng âm. Từ *biển*₁ mang nghĩa gốc, có nghĩa là phần đại dương ở ven các đại lục. Từ *biển*₂ mang nghĩa chuyển, có nghĩa là mênh mông rộng lớn (giống như biển).

9. Từ thuần Việt có ý nghĩa tương đương với các từ in đậm:

STT	Từ in đậm	Từ thuần Việt tương đương
1	phẫu thuật	mổ
2	nhân loại	loài người
3	di sản	tài sản để lại
4	hải cẩu	chó biển

Nếu những từ Hán Việt trong câu trên được thay bằng từ thuần Việt tương đương thì ý nghĩa các câu sẽ thay đổi về sắc thái biểu cảm.

10. Trường hợp a, b lạm dụng từ mượn, do các từ mượn ở đây đều có từ thuần Việt tương đương và sử dụng rộng rãi trong đời sống (“phôn” – gọi điện, “sua” – chắc chắn). Việc dùng từ mượn trong trường hợp này khiến cho câu nói thiếu tự nhiên, gây cảm giác khó chịu cho người nghe.

Trường hợp c sử dụng từ mượn một cách hợp lí, do tiếng Việt đã mượn từ ngữ nước ngoài để chỉ những hiện tượng mới xuất hiện như phông (font). Việc dùng từ mượn trong trường hợp này vẫn tự nhiên, không gây cảm giác khó chịu cho người nghe.

11. Công dụng của dấu ngoặc kép

Ví dụ 1: đánh dấu lời dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại.

Ví dụ 2: đánh dấu cách hiểu một từ ngữ không theo nghĩa thông thường.

Ví dụ 3: đánh dấu tên của một tác phẩm, tài liệu.

12. Việc lựa chọn cấu trúc câu có tác dụng (1) thay đổi cấu trúc câu nhằm nhấn mạnh đối tượng được nói đến, (2) viết câu nhiều vị ngữ giúp cho việc miêu tả đối tượng được cụ thể, sinh động hơn.

a.1. Việc lựa chọn cấu trúc câu nhằm nhấn mạnh hành động “tiến lại”.

a.2. Việc lựa chọn cấu trúc câu nhằm nhấn mạnh chủ thể “hai đứa bé”.

b.1. Việc lựa chọn cấu trúc câu nhằm nhấn mạnh sự việc “khi thắng lợi trở về”.

b.2. Việc lựa chọn cấu trúc câu nhằm nhấn mạnh sự việc “chắc bà không còn nữa”.

c.1. Người viết lựa chọn cấu trúc câu nhiều vị ngữ, do đó đã miêu tả sinh động, cụ thể thái độ, tình cảm của “bọn tôi” trong sự việc “đám tang chú dế”.

c.2. Người viết lựa chọn cấu trúc câu chỉ có một vị ngữ, do đó chưa miêu tả được sự việc một cách sinh động, cụ thể.

13. Hướng dẫn HS đọc lại *Tri thức tiếng Việt* về đoạn văn và VB (bài *Điểm tựa tinh thần*) để tìm và điền thông tin thích hợp vào bảng.

14. GV hướng dẫn HS dựa vào phần *Tri thức tiếng Việt* (SGK *Ngữ văn 6*, tập hai) để trả lời. Gợi ý: Một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, biểu đồ, số liệu,... Tác dụng của những phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ là bổ sung thông tin để làm rõ và tăng tính thuyết phục cho nội dung VB, giúp người đọc tiếp nhận thông tin một cách trực quan, dễ dàng hơn.



*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Biên tập mỹ thuật: THÁI HỮU DƯƠNG

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: PHAN ANH TUẤN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Chân trời sáng tạo



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 6 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. NGỮ VĂN 6, TẬP MỘT
Sách giáo viên
2. NGỮ VĂN 6, TẬP HAI
Sách giáo viên
3. TOÁN 6
Sách giáo viên
4. TIẾNG ANH 6
Friends Plus - Teacher's Guide
5. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6
Sách giáo viên
6. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6
Sách giáo viên
7. KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6
Sách giáo viên
8. CÔNG NGHỆ 6
Sách giáo viên
9. TIN HỌC 6
Sách giáo viên
10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 6
Sách giáo viên
11. ÂM NHẠC 6
Sách giáo viên
12. MĨ THUẬT 6
Sách giáo viên
13. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 6
Sách giáo viên

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khóa.



ISBN 978-604-0-26640-8



9 786040 266408

Giá: 22.000 đ